

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VÕ QUỐC KHÁNH

**CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM
HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN
PHẠM TỘI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỰ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VÕ QUỐC KHÁNH

**CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM
HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN
PHẠM TỘI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn: PGS. TS. TRẦN ĐÌNH NHÃ

HÀ NỘI, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các tài liệu, kết quả nghiên cứu trong luận văn này là trung thực, chưa từng công bố trong bất kỳ công trình nào.

Tác giả luận văn

Võ Quốc Khánh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	6
1.1. Cơ sở lý luận về người chưa thành niên phạm tội	6
1.2. Khái niệm, đặc điểm của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam	8
1.3. Vai trò và ý nghĩa của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong việc thực hiện chính sách hình sự	10
1.4. Phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	14
Chương 2. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ 1999 VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI	16
2.1. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, Điều 46 Bộ Luật Hình Sự	16
2.2. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự	39
2.3. Áp dụng Điều 47 Bộ Luật Hình Sự về giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	43
Chương 3. THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG 46	
3.1. Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội tại Thành phố Đà Nẵng.....	46
3.2. Những vi phạm, sai lầm trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội và nguyên nhân	61

3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự	64
KẾT LUẬN	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- BLHS : Bộ luật hình sự
BTP : Bộ Tư pháp
NCTNPT : Người chưa thành niên phạm tội
QĐHP : Quyết định hình phạt
TANDTC : Tòa án nhân dân tối cao
TNHS : Trách nhiệm hình sự
VKSNDTC : Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
1.1	Bảng tổng hợp phiếu khảo sát và phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 46 BLHS của 100 bản án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	57

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội và cũng không bỏ lọt hành vi của người phạm tội trong đó bao gồm người phạm tội là người chưa thành niên là mục tiêu, yêu cầu quan trọng hàng đầu trong việc giải quyết các vụ án hình sự của Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nếu định tội danh là tiền đề, là cơ sở cho việc quyết định hình phạt, thì quyết định hình phạt là kết quả cuối cùng của hoạt động xét xử. Quyết định hình phạt một cách chính xác có ý nghĩa rất quan trọng đối với hoạt động xét xử của Tòa án. Việc quyết định một hình phạt đúng không những đảm bảo sự công bằng, hợp lý, minh bạch trong thực thi pháp luật, mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Vì vậy, để đảm bảo cho việc định tội chính xác, quyết định một hình phạt đúng pháp luật, bên cạnh việc căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội; thì các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự là một trong những căn cứ để quyết định hình phạt, là cơ sở đảm bảo cho việc thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong áp dụng pháp luật. Thực tiễn xét xử cho thấy sai lầm trong việc quyết định hình phạt chủ yếu là quyết định hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ, hoặc cho người phạm tội hưởng án treo không đúng. Nguyên nhân của sai lầm này là chủ yếu do việc đánh giá không đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, đặc biệt là việc xác định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không chính xác. Chính vì vậy khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Điều 46 BLHS để quyết định hình phạt kể cả đối với người chưa thành niên phạm tội là hết sức quan trọng nhưng thực tế hiện nay ngoài quy định tại Bộ Luật hình sự và các văn bản hướng dẫn thì việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ vẫn còn là vấn đề đang còn nhiều vướng mắc, thiếu sót cần được tháo gỡ, đặc biệt là sự áp dụng thiếu nhất quán của các Tòa án địa phương, trong đó có các Tòa án tại thành phố Đà Nẵng.

Mặc dù quy định về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự có ý nghĩa vô cùng quan trọng về mặt xã hội cũng như pháp lý hình sự nhưng việc nghiên cứu vấn đề này chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt là việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với người chưa thành niên phạm tội. Cho đến nay, nước ta vẫn còn ít và thiếu những công trình chuyên khảo nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các nội dung và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với người chưa thành niên phạm tội nói chung trong giáo trình luật hình sự của các trường đào tạo cử nhân luật, phần viết về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự còn ít, hầu hết các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới chỉ được nêu một cách khái quát. Các bài viết được đăng trên các tạp chí, báo, sách chỉ dừng lại phân tích một số vấn đề ở góc độ thực tiễn áp dụng mà chưa mang tính hệ thống. Bên cạnh đó để hiểu rõ và áp dụng chính xác các tình tiết giảm nhẹ trong hoạt động xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm là một yêu cầu rất quan trọng và cần thiết.

Vì vậy, học viên chọn đề tài: “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng” làm đề tài cho luận văn cao học, nhằm làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận cũng như thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nói chung và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội nói riêng. Từ đó, đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt của Tòa án.

2. Tình hình nghiên cứu

Qua tìm hiểu ở một số cơ sở nghiên cứu và đào tạo luật ở nước ta như Trường Đại học luật Hà Nội, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy có rất nhiều đề tài nghiên cứu đã đề cập đến một số vấn đề lý luận, cũng như thực tiễn áp dụng các quy định về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Luật hình sự. Chẳng hạn như: Luận án tiến sĩ của Trần Thị Quang Vinh (năm 2000); Sách có tên: “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

trong luật hình sự Việt Nam” do TS Ông Chu Lưu chủ biên (năm 2003); Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999, Bộ Tư Pháp – Viện khoa học pháp lý, nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, Sách của Đinh Văn Quế (2004), bình luận khoa học BLHS (Phần chung)- Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh; Chế định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự Việt Nam trước Cách mạng tháng 8 của Trường đại học luật Hà Nội; Giáo trình luật hình sự Việt Nam đã phân tích khá sâu sắc, đầy đủ nội dung của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS năm 1999. Kể đến là có rất nhiều bài báo, bài trao đổi, bài nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành như Tạp chí Tòa án nhân dân, Tạp chí dân chủ và pháp luật, Tạp chí nhà nước và pháp luật cũng đã trao đổi, tranh luận cũng như đặt ra các vấn đề thực tiễn áp dụng các tình tiết này.

Tuy nhiên, như đã nêu, cho đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập một cách toàn diện, có hệ thống về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn. Lại càng chưa có nghiên cứu nào đi sâu nghiên cứu việc áp dụng các tình tiết này đối với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Vì vậy học viên đã mạnh dạn chọn đề tài này để nghiên cứu và mong muốn qua đó đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện chế định pháp luật hình sự quan trọng này cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng chúng trong thực tiễn xét xử của ngành Tòa án nói chung và các Tòa án ở địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu chủ yếu là làm rõ một số vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng tại thành phố Đà Nẵng. Từ đó đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở địa bàn nghiên cứu.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích như trên, nhiệm vụ của tác giả luận văn tập trung giải quyết những vấn đề sau:

Một là, làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

Hai là, Phân tích nội dung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam, đánh giá tình hình thực tiễn áp dụng tại thành phố Đà Nẵng để phát hiện những vướng mắc trong việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn giải quyết vụ án hình sự.

Ba là, đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Về đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nói chung và đối với đối với người chưa thành niên phạm tội nói riêng, thực tiễn áp dụng các tình tiết này tại Tòa án thành phố Đà Nẵng.

4.2 Về phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung làm sáng tỏ một số vấn đề về cơ sở lý luận, nội dung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thông qua các bản án của Tòa án trên địa bàn thành Phố Đà Nẵng

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Cơ sở lý luận là sự hiểu biết các kiến thức chung về Nhà nước và pháp luật, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam về hoàn thiện pháp luật.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Bên cạnh vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, tác giả đã chú trọng sử dụng phương pháp nghiên cứu cụ thể như phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu để chứng minh làm rõ nội dung nghiên cứu cũng như thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và để từ đó có đề xuất những giải pháp hoàn thiện.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn phân tích và làm sáng tỏ về mặt lý luận và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của những tình tiết này trong việc giải quyết vụ án hình sự đối với đối tượng là người chưa thành niên phạm tội.

Luận văn đã phân tích và làm rõ những quy định của BLHS về tình tiết giảm nhẹ đối với người chưa thành niên phạm tội, thực trạng áp dụng và nguyên nhân của nó tại Thành phố Đà Nẵng

6.2. Ý nghĩa Thực tiễn

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

Các kết quả nghiên cứu của luận văn có giá trị tham khảo cho việc học tập, giảng dạy, và đặc biệt đối với các nhà lập pháp hình sự khi nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự hiện hành.

Luận văn cũng có giá trị tham khảo bổ ích đối với những cán bộ làm công tác thực tiễn trong việc giải quyết vụ án hình sự, đặc biệt là đối với những người áp dụng pháp luật.

7. Cơ cấu của đề luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo. Luận văn gồm có ba chương.

Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên theo pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2. Quy định của bộ luật hình sự năm 1999 về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

Chương 3. Thực tiễn áp dụng và các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên tại Thành phố Đà Nẵng.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÌNH TIẾT GIẢM NHỆ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Cơ sở lý luận về người chưa thành niên phạm tội

1.1.1. Khái niệm người chưa thành niên

Điều 1 Công ước Quốc tế về trẻ em chưa thành niên được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 20/11/1989 có ghi: Trong phạm vi Công ước này, trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật áp dụng đối với trẻ em có quy định tuổi chưa thành niên sớm hơn..[6]

Ở Việt Nam, độ tuổi chưa thành niên được xác định thống nhất trong Hiến Pháp năm 1992 nay là Hiến Pháp năm 2013 và một số các văn bản pháp luật cơ bản khác của nhà nước như Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật lao động v.v.. Tất cả các văn bản pháp luật đó đều quy định người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi và quy định riêng những chế định pháp luật đối với người chưa thành niên trong từng lĩnh vực cụ thể.

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm: Người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi, chưa phát triển hoàn thiện về thể chất và tinh thần, chưa có được đầy đủ các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý như người đã thành niên.

Người chưa thành niên là chủ thể chưa đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay, do chưa đủ độ tuổi và chưa hoàn thiện đầy đủ về thể chất cũng như khả năng nhận thức.

1.1.2. Khái niệm tội phạm do người chưa thành niên gây ra

Tội phạm là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị luật hình sự cấm, do người đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện xâm hại các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Người chưa thành niên từ 14–16 tuổi vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, tội phạm do người chưa thành niên gây ra chỉ xuất hiện khi có đầy

đủ 3 điều kiện sau đây:

Một là, có hành vi phạm tội do người chưa thành niên thực hiện.

Hai là, người thực hiện hành vi phạm tội đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với loại tội phạm và lỗi gây ra tội phạm.

Ba là, người đó thực tế phải chịu trách nhiệm hình sự sau khi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cân nhắc cần thiết phải xử lý bằng hình sự mà không thể áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp khác để quản lý, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Từ đó, có thể đưa ra khái niệm về tội phạm do người chưa thành niên gây ra như sau: Tội phạm do người chưa thành niên gây ra là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện bởi người dưới 18 tuổi và người đó phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi và lỗi của mình theo quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng.

1.1.3. Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội

Với quan điểm nhất quán trong việc bảo vệ trẻ em, Nhà nước Việt Nam tham gia Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 và đã thúc đẩy việc hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ quyền trẻ em, trong đó đã dành sự quan tâm đặc biệt cho đối tượng trẻ em vi phạm pháp luật, nhất là những trường hợp người chưa thành niên phạm tội.

Xuất phát từ cơ sở lý luận của chính sách hình sự được ghi nhận trong Công ước về quyền trẻ em năm 1989 và Hiến pháp Việt Nam năm 1992, Bộ luật Hình sự hiện hành xây dựng một chương riêng quy định đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội. Quy định này dựa trên cơ sở phân tích về tâm, sinh lý đối với người chưa thành niên, do đó pháp luật hình sự Việt Nam đã đặt ra những nguyên tắc riêng khi xử lý hành vi phạm tội của người chưa thành niên. Các quy định về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên có những điểm khác biệt so với thủ tục tố tụng hình sự áp dụng đối với người thành niên phạm tội, phù hợp với Chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam đối với việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên là nhằm giúp đỡ, cải tạo, giáo dục để người chưa thành niên nhận ra

sai lầm từ đó sửa chữa những sai lầm của mình, tạo điều kiện để các em có khả năng sớm tái hoà nhập cuộc sống.

1.2. Khái niệm, đặc điểm của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam

1.2.1 Khái niệm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam

Bộ luật hình sự không đưa ra khái niệm về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và khoa học pháp lý nước ta cũng chưa có khái niệm chính thống về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Nếu hiểu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự chỉ là để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì cách hiểu đó chưa phản ánh hết tính chất, ý nghĩa của nhóm tình tiết này. Trách nhiệm hình sự, theo cách hiểu phổ biến nhất của luật hình sự là hậu quả pháp lý của việc phạm tội. Người phạm tội phải chịu tác động của biện pháp cưỡng chế đặc biệt của Nhà nước do Bộ luật hình sự quy định. Có thể họ phải chịu hình phạt hoặc miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, cho hưởng án treo... tùy theo tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được phản ánh thông qua các tình tiết của vụ án. Do Tòa án có thể buộc họ phải chấp hành một hình phạt nghiêm khắc hay được hưởng mức hình phạt khoan hồng. Việc xử lý khoan hồng đối với người phạm tội bằng các biện pháp khác nhau đều được xem là giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không những được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự mà còn gồm các tình tiết định tội giảm nhẹ, định khung giảm nhẹ và các tình tiết quy định các điều luật khác thuộc phần chung của Bộ luật hình sự như các Điều 17, 18, 19, 23, 25, 54, 57, 58, 59, 60, 61, 66, 70, 76 Bộ luật hình sự. Giá trị giảm nhẹ của các tình tiết này không chỉ là giảm nhẹ hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt mà còn nhiều giá trị giảm nhẹ khác như miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, án treo, giảm thời gian chấp hành hình phạt. Theo nghĩa rộng này thì có thể đưa ra khái niệm như sau:

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết của vụ án hình

sự, liên quan đến việc giải quyết trách nhiệm hình sự, có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh khả năng cải tạo tốt hoặc do hoàn cảnh đặc biệt mà người phạm tội đáng được khoan hồng và giá trị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của chúng chưa được ghi nhận trong chế tài.

Theo tôi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 46 BLHS chỉ là một dạng các tình tiết giảm nhẹ hình sự. Từ quy định của điều luật này có thể nêu lên khái niệm: *Các tình tiết giảm nhẹ là những tình tiết làm giảm đi mức độ nguy hiểm của tội phạm, của người phạm tội và có ý nghĩa làm giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội trong giới hạn một khung hình phạt.*

Qua việc nghiên cứu các quan điểm trên cơ sở của sự tổng hợp, so sánh và phân tích có kế thừa và có hệ thống, chúng tôi cho rằng để thấy được bản chất của các tình tiết giảm nhẹ thì khái niệm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên hiểu theo nghĩa rộng hơn là: Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết của vụ án hình sự, liên quan đến việc giải quyết trách nhiệm hình sự, có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh khả năng cải tạo tốt của người phạm tội đáng được khoan hồng. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định trong Bộ luật hình sự, trong các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc do Tòa án cân nhắc, xem xét quyết định trong quá trình xét xử các vụ án cụ thể.

1.2.2. Đặc điểm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam

Nghiên cứu các Qua tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự, các văn bản hướng dẫn thi hành và từ khái niệm trên ta có thể rút ra được một số đặc trưng cơ bản của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

Một là: Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là các tình tiết được pháp luật hình sự quy định:

Hai là: Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có giá trị làm giảm bớt trách nhiệm hình sự của người được áp dụng các tình tiết này.

Ba là: Giá trị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự không giống nhau.

1.3. Vai trò và ý nghĩa của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong việc thực hiện chính sách hình sự

1.3.1 Vai trò của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội

Theo quy định tại Điều 45 BLHS thì khi quyết định hình phạt, Tòa án không chỉ căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, mà còn phải căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Như vậy, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có vai trò là một trong những căn cứ để quyết định hình phạt. Pháp luật không quy định cụ thể các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có ảnh hưởng đến mức nào đối với việc quyết định hình phạt. Do đó Tòa án có vai trò quan trọng trong việc đánh giá, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ ảnh hưởng đến mức nào cho việc quyết định hình phạt thuộc thẩm quyền của tòa án, thể hiện tính hợp lý, tính mềm dẻo và tính xác định tương đối của pháp luật nhưng phải trong phạm vi của pháp luật. Việc lựa chọn loại hình phạt nhẹ hơn, khung hình phạt nhẹ hơn, mức hình phạt ít nghiêm khắc hơn phụ thuộc rất nhiều vào việc người phạm tội có hay không có tình tiết giảm nhẹ, có một hay nhiều tình tiết giảm nhẹ.

- Về nội dung phản ánh: Các tình tiết của vụ án phải thể hiện rằng hành vi phạm tội có tính nguy hiểm ở mức thấp nhất trong cấu thành tội phạm đang được áp dụng. Tình tiết giảm nhẹ xuất hiện càng làm cho tính nguy hiểm của tội phạm giảm đi so với các trường hợp phạm tội thông thường.

- Về số lượng tình tiết giảm nhẹ: Phải có ít nhất một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 và những tình tiết này chưa được sử dụng để định tội hay định khung hình phạt. Ngoài ra, Tòa án có thể xác định thêm các tình tiết giảm nhẹ khác.

Đặc biệt đối với người chưa thành niên phạm tội do có nhiều những đặc điểm khác biệt về tâm sinh lý so với những đối tượng phạm tội đã thành niên và khả năng hiểu biết xã hội và pháp luật cũng như khả năng làm chủ hành vi của mình có nhiều

hạn chế hơn so với những người ở độ tuổi thành niên. Vì vậy việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, định khung hình phạt với đối tượng này cần có sự cân nhắc, chú trọng khoan hồng giáo dục hơn là răn đe, trừng phạt.

1.3.2. Ý nghĩa của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong việc thực hiện chính sách hình sự

Về mặt chính trị: Việc quy định và áp dụng các tình tiết này thể hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong xử lý hình sự là nghiêm trị kết hợp với khoan hồng.

Trong việc thực hiện chính sách hình sự thì các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có ý nghĩa rất quan trọng, nó được thể hiện là một trong những nguyên tắc xử lý cơ bản của Bộ luật hình sự. Một trong những nội dung quan trọng của chính sách hình sự đã được ghi nhận tại Điều 3 Bộ luật hình sự đó là: Chính sách xử lý tội phạm trên cơ sở nghiêm trị kết hợp với khoan hồng.

Theo quy định của BLHS thì nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố, chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng, khoan hồng với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra. Ngoài ra, đối với người chưa thành niên phạm tội thì BLHS còn quy định một loạt nội dung khoan hồng đặc biệt ở chương X, từ Điều 68 đến Điều 77.

Quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là cơ sở pháp lý cần thiết cho việc vận dụng biện pháp khoan hồng của nhà nước trong xử lý tội phạm. Không phải mọi hành vi phạm tội đều phải áp dụng đến hình phạt, một biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước và không phải mọi trường hợp bị kết án đều phải chấp hành hết thời hạn hình phạt tòa tuyên... Việc áp dụng hình phạt hay một biện pháp xử lý khoan hồng hay không đều được quyết định trên cơ sở quy định của pháp luật hình sự. Nó thể hiện chính sách phân hóa trong xử lý tội phạm và giáo dục người phạm tội, hạn chế vận dụng tùy tiện, đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Với ý nghĩa là một căn cứ để quyết định hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự được sử dụng để cá thể hóa trách nhiệm hình sự. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự giúp Tòa án cá thể hóa đến mức cao nhất trách nhiệm hình sự đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể. Bởi lẽ các nhà làm luật chỉ dựa vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm mà dự liệu một cách khái quát mức hình phạt theo khung cho mỗi loại tội phạm. Vì vậy, để có một mức hình phạt tương xứng với tội phạm đã thực hiện. Tòa án phải căn cứ vào nhiều loại tình tiết khác nhau, trong đó có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 46 BLHS và các điều khác của BLHS

Về giá trị giáo dục, cải tạo người phạm tội. Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt có vai trò tác động tích cực trong việc giáo dục người phạm tội, tạo điều kiện cho người phạm tội được cải tạo trở thành người có ích cho xã hội, khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội, từ đó hạn chế tác hại của tội phạm, tăng cường hiệu quả đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, tạo điều kiện cho việc phát hiện, điều tra xử lý tội phạm. Ở từng mức độ khoan hồng khác nhau, nhà làm luật quy định và khai thác tối đa ý nghĩa giảm nhẹ của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đảm bảo cho hoạt động xét xử của Tòa án được chính xác, khách quan, công bằng, hợp lý. Điều đó làm cho người phạm tội nhận thức được tội lỗi của mình, tin tưởng vào sự công bằng của pháp luật mà có động cơ cải tạo tốt.[13]

1.3.3. Nguyên tắc và căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội

Khi xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội nói chung và người chưa thành niên nói riêng, cần tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

Một là, các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật hình sự quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt. Khi quyết định hình phạt, đầu tiên là xác định tình tiết nào là dấu hiệu định tội, sau đó mới đến các tình tiết tăng nặng, hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Như vậy, tình tiết giảm nhẹ chỉ được xét đến sau khi đã xác định được tội

đanh và khung hình phạt cụ thể. Điều này thể hiện tính khoa học và tính chặt chẽ trong các quy phạm pháp luật của Luật hình sự, giúp cho việc vận dụng các tình tiết giảm nhẹ được chuẩn mực, nhằm tránh tình trạng vận dụng các tình tiết với vai trò vừa là tình tiết định tội, định khung hình phạt, vừa là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hai là, xác định đúng và đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là yếu tố rất quan trọng và cần thiết để có một quyết định hình phạt công bằng, đúng pháp luật. Nếu xác định thừa hoặc thiếu sẽ dẫn đến quyết định hình phạt không thỏa đáng.

Ba là, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của hành vi phạm tội nào thì chỉ áp dụng đối với hành vi phạm tội đó. Ngoài ra trong bản án cũng cần nêu rõ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào áp dụng với tội nào nhằm tránh tình trạng áp dụng tình tiết tăng nặng của tội này sang tội khác.

Mỗi tình tiết chỉ có ý nghĩa áp dụng đối với một số tội phạm hoặc đối với một số người phạm tội chứ không thể áp dụng đối với tất cả các tội phạm hoặc đối với tất cả người phạm tội.

Bốn là, Xác định đúng mức độ giảm nhẹ của các tình tiết giảm nhẹ.

Thực hiện đúng nguyên tắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ đảm bảo một phán quyết công bằng và nhân đạo, tạo tiền đề quan trọng về tâm lý cho quá trình cải hóa người phạm tội. Nếu không xác định được đúng mức độ giảm nhẹ của các tình tiết thì khi áp dụng hình phạt sẽ không tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện. Cùng một tình tiết giảm nhẹ nhưng đối với tội phạm khác nhau thì mức độ giảm nhẹ cũng khác nhau. Do đó, mức độ giảm nhẹ của các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 phải lớn hơn tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46. Nên thực tiễn luôn đặt ra yêu cầu khách quan phải nâng cao hiệu quả vận dụng chế định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm theo đúng nguyên tắc chính xác, công bằng, hợp lý.

Năm là, đối với người chưa thành niên phạm tội, cần áp dụng chính xác khoản hồng đặc biệt. Theo đó, ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc áp dụng các tình tiết

giảm nhẹ chung, cần xem xét kỹ lưỡng các quy định nêu tại chương X của BLHS. Theo đó, đối với người chưa thành niên phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của chương này đồng thời theo những quy định khác của phần chung BLHS không trái với quy định của chương này.

1.4. Phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng khi quyết định hình phạt khác với các tình tiết giảm nhẹ là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt ở các khía cạnh. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt là những tình tiết được quy định trong cấu thành tội phạm, trong từng điều luật về tội phạm cụ thể. Khác với tình tiết đó, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điều luật thuộc phần chung Bộ luật hình sự và có thể được cụ thể hóa tại các văn bản hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của cơ quan có thẩm quyền hoặc chỉ được quy định theo hướng mở tại điều luật thuộc phần chung Bộ luật hình sự và do các Hội đồng xét xử vận dụng khi xét xử. Tình tiết giảm là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt làm thay đổi tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật hình sự quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung là những tình tiết có giá trị xác định trách nhiệm hình sự đối với một loại tội phạm hoặc một khung hình phạt trong trường hợp cụ thể. Khi có tình tiết giảm nhẹ, thì chúng ta phải xem xét thứ tự ưu tiên tình tiết đó có phải là tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt hay không. Nếu đã là tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt thì không áp dụng tình tiết đó là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

Tiểu kết Chương 1

Tóm lại, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự nói chung và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với người chưa thành niên phạm tội là một chế định có ý nghĩa lớn cả về mặt xã hội cũng như pháp lý, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện phân hóa và cá thể hóa trách nhiệm hình sự, áp dụng các biện pháp xử lý

khoan hồng về hình sự đảm bảo cho Tòa án ra một phán quyết khách quan, công bằng, hợp lý. Đặc biệt là việc quyết định hình phạt với người chưa thành niên phạm tội, những người mà sự phát triển về thể chất có sự không tương xứng với quá trình phát triển về nhân cách, năng lực trí tuệ, nhân sinh quan và thế giới quan để hình thành toàn bộ các đặc điểm tâm sinh lý của một người bước vào độ tuổi thành niên. Ở người chưa thành niên có những biến đổi sâu sắc về mặt sinh học, có những mâu thuẫn sâu sắc trong sự phát triển nhân cách. Vì những ý nghĩa quan trọng đó, nên thực tiễn luôn đặt ra yêu cầu khách quan phải nâng cao hiệu quả vận dụng chế định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nói chung và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với người chưa thành niên phạm tội nói riêng. Đây là các tình tiết quyết định khoan hồng tạo cho người phạm tội ăn năn hối cải, quay về với cuộc sống, giúp ích cho xã hội.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ 1999 VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

2.1. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, Điều 46 Bộ Luật Hình Sự

2.1.1. Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm

Đây là trường hợp người phạm tội đã thực hiện tội phạm, nếu không có gì ngăn cản thì tác hại của tội phạm sẽ xảy ra hoặc xảy ra lớn hơn nhưng người phạm tội đã chủ động ngăn chặn không để cho tác hại xảy ra hoặc chủ động hạn chế mức độ tác hại của tội phạm. Việc người phạm tội ngăn chặn, làm giảm bớt sự thiệt hại đó, tức là họ đã làm cho mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội giảm bớt. Việc làm giảm bớt tác hại có thể thực hiện ngay cả khi hành vi phạm tội đã chấm dứt.

Hành động ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của tội phạm phải xảy ra trên thực tế thì mới coi là tình tiết giảm nhẹ. Trong thực tiễn, tình tiết này thể hiện ở việc người phạm tội đã có những hành vi, biện pháp cụ thể hạn chế tác hại do hành vi phạm tội của mình gây ra. Thiệt hại và tác hại không phải bao giờ cũng là một, có sự thiệt hại cụ thể có thể xác định được như tính mạng, sức khỏe, tài sản... nhưng có sự tác hại không thể xác định cụ thể được như tác hại đến nền an ninh chính trị, đến trật tự an toàn công cộng, trật tự quản lý hành chính, quản lý kinh tế... Khi xác định tình tiết giảm nhẹ này, cần xem xét cả hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm mà tác hại đó không phải là thiệt hại cụ thể.

Việc người phạm tội ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm có thể do họ tự thực hiện hoặc do người khác tác động để thực hiện. Thái độ của người phạm tội đối với việc ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm không là yếu tố quan trọng để đánh giá mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của chủ thể bởi lẽ người phạm tội có nhờ người khác cùng ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm thì họ vẫn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với toàn bộ kết quả của việc ngăn chặn.

Vì điều luật chỉ quy định “đã ngăn chặn, làm giảm bớt” chứ không quy định “tự ngăn chặn, làm giảm bớt” nên mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ phụ thuộc vào kết quả ngăn chặn, hạn chế được tác hại của tội phạm và thái độ chủ quan của người phạm tội đối với việc ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm (như có tự nguyện, tích cực hay không). Nếu họ tự hành động sẽ được giảm nhẹ nhiều hơn các trường hợp do người khác tác động.

Trong vụ án có đồng phạm, nếu người đồng phạm can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản mà người thực hiện tội phạm nghe theo thì cả hai đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Nếu hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản, mặc dù người thực hiện tội phạm không nghe, nhưng hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản có tác dụng làm cho tác hại được giảm bớt thì người có hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này.

Khi áp dụng tình tiết này cần phân biệt trường hợp người phạm tội ngăn chặn tác hại của tội phạm với trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Hai trường hợp này hậu quả của tội phạm cũng chưa xảy ra nhưng trách nhiệm hình sự của người phạm tội lại rất khác nhau. Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc thực hiện tội phạm được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm, còn người ngăn chặn làm giảm tác hại của tội phạm thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự và chỉ được giảm nhẹ trong phạm vi khung hình phạt, tội danh đã định. Để phân biệt hai trường hợp này là xác định chủ thể đã thực hiện hết các hành vi khách quan cho là cần thiết để hậu quả của tội phạm xảy ra hay chưa, nếu đã thực hiện hết tức là tội phạm đã hoàn thành, các hành vi tiếp theo là ngăn chặn hậu quả xảy ra nếu chưa thực hiện hết là tự ý nửa chừng chấm dứt thực hiện tội phạm. Trong một số trường hợp, sự phân biệt này rất khó xác định, nó phụ thuộc vào sự đánh giá khách quan, toàn diện và niềm tin nội tâm của người áp dụng pháp luật.

2.1.2. Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả

Tội phạm bao giờ cũng gây ra cho xã hội những thiệt hại đáng kể. Các thiệt

hại có thể là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, trật tự xã hội. Về nguyên tắc người gây thiệt hại sẽ bị cơ quan có thẩm quyền buộc phải sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, để buộc người phạm tội bồi thường cần một quá trình tố tụng mà thiệt hại lại cần được khắc phục, sửa chữa kịp thời. Vì vậy, người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục sớm thì không chỉ cần thiết cho việc khôi phục sự bình thường của các quan hệ xã hội bị tội phạm xâm hại mà còn thể hiện thái độ của người phạm tội đã nhận thức được sai lầm của mình, mong muốn sửa chữa, khắc phục hậu quả.[29]

Bộ luật hình sự năm 1985 chỉ quy định người phạm tội tự nguyện sửa chữa thiệt hại và người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại. Bộ luật hình sự năm 1999 quy định thêm trường hợp khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ba tình tiết giảm nhẹ quy định ở điểm b khoản 1 điều 46 BLHS là trường hợp người phạm tội đã gây ra thiệt hại, các thiệt hại có thể là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, trật tự an toàn công cộng, môi trường... hậu quả của tội phạm đã thực tế xảy ra, nhưng người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường, hoặc khắc phục những thiệt hại do mình gây ra cho bên bị thiệt hại. Mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào thái độ tự nguyện, mức độ của việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả của người phạm tội. Trường hợp người phạm tội có thái độ tích cực sửa chữa, bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho bên bị thiệt hại hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả của tội phạm. Thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào thái độ tự nguyện, mức độ của việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả của người phạm tội. Trường hợp người phạm tội có thái độ tích cực sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả thể hiện sự ăn năn, hối hận thì họ còn có thể được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 điều 46.

Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật hình sự, thì ngoài việc chính bị cáo tự nguyện thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bằng tài sản của mình, cũng được áp dụng tình tiết “người phạm tội tự nguyện

sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự, cụ thể như sau:[11]

- Bị cáo là người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 15 tuổi khi phạm tội và cha, mẹ của họ đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

- Bị cáo là người từ đủ 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi khi phạm tội và cha, mẹ của họ đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nếu bị cáo không có tài sản;

- Bị cáo không có tài sản để bồi thường nhưng đã tích cực tác động, đề nghị cha, mẹ hoặc người khác (vợ, chồng, con, anh, chị, em, bạn bè...) sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và những người này đã thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

- Bị cáo không có trách nhiệm sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra (ví dụ: việc bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ) nhưng đã tự nguyện dùng tiền, tài sản của mình để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hoặc đã tích cực tác động, đề nghị cha, mẹ, hoặc người khác sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (nếu bị cáo không có tài sản để bồi thường) và những người này đã thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Như vậy, đối với người chưa thành niên phạm tội thì người đại diện hợp pháp của người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả sẽ được coi là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội

Cũng được coi là tự nguyện, nếu do người khác khuyên bảo mà người phạm tội sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hoặc người phạm tội đang bị giam giữ không thể tự mình sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả được nên đã tác động, nhắn tin cho gia đình bồi thường thay cho mình. Hoặc đã sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả nhưng người bị hại, nguyên đơn dân sự không nhận nên đã nộp tiền vào cơ quan có thẩm quyền hoặc đem về cất giữ để sẵn sàng việc

bồi thường khi có yêu cầu. Nếu bị cáo không tích cực tác động đề nghị cha mẹ hoặc người khác sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra hoặc nếu chỉ do tác động của người khác (ép buộc, cưỡng chế) người phạm tội mới sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả trong trường hợp này thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ đã nêu.

2.1.3. Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

Mục đích của phòng vệ chính đáng là khống chế, đẩy lùi sự tấn công của người đang xâm hại các lợi ích hợp pháp, ngăn ngừa những thiệt hại có thể xảy ra nên phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm. Được coi là phòng vệ chính đáng khi đáp ứng các điều kiện sau: Có hành vi đang xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích chính đáng của người phòng vệ hoặc của người khác; hành vi xâm hại phải là hành vi trái pháp luật và nguy hiểm đáng kể; hành vi xâm hại phải đang hiện hữu, tức đã bắt đầu, đang xảy ra, chưa chấm dứt hoặc có nguy cơ xảy ra ngay tức khắc; hành vi phòng vệ phải gây thiệt hại cho chính người có hành vi xâm hại chứ không phải cho một người nào khác; hành vi phòng vệ gây thiệt hại cho người xâm hại là cần thiết.

Trong trường hợp phòng vệ chính đáng, người phòng vệ có thể có nhiều cách phòng vệ với mức độ khác nhau, có cách gây thiệt hại ít cho người bị tấn công, có khi gây thiệt hại nhiều cho người bị tấn công. Việc lựa chọn cách nào là tùy thuộc vào khả năng đánh giá và tâm lý của người phòng vệ lúc phòng vệ, miễn sao cách chống trả đó không phải là “rõ ràng quá mức cần thiết”. Tức là hành vi phòng vệ cũng phải có mức độ. Vì chỉ ở mức độ cần thiết mới được coi là chính đáng. Nhưng nếu sự phòng vệ là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, gây ra những thiệt hại không cần thiết thì hành vi đó là trái pháp luật, chủ thể phòng vệ phải chịu những hậu quả bất lợi.

“Phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” là trường hợp vì bảo vệ

lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác. Đây là trường hợp do đánh giá sai tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại nên hành vi chống trả của người phạm tội rõ ràng là quá mức cần thiết, không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Việc đánh giá hành vi chống trả có quá mức cần thiết hay không phải căn cứ vào tính chất và mức độ của hành vi xâm phạm không gian, địa điểm nơi xảy ra tội phạm và các yếu tố có liên quan. Người phòng vệ đã dùng những phương tiện và phương pháp gây ra thiệt hại lớn hơn cho người xâm hại mà tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại chưa đòi hỏi phải dùng các phương tiện và phương pháp đó.

Chế định vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng bao gồm những yếu tố cơ bản sau:

- Trước hết người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải là người vì bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, của tổ chức, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác. Các lợi ích này có thể là lợi ích vật chất hoặc phi vật chất như: Tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản v.v...

- Về phía người bị hại phải là người đang có hành vi xâm phạm đến các lợi ích nói trên. Nếu hành vi xâm phạm đó chưa bắt đầu và đã kết thúc thì không thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng.

- Thiệt hại mà người bị hại gây nên do hành vi xâm phạm có thể nhiều loại nhưng thiệt hại mà người phạm tội gây ra chỉ có thể là tính mạng hoặc sức khỏe.

Xuất phát từ động cơ của người phạm tội là bảo vệ lợi ích của nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mặc khác họ không có ý thức phạm tội và không có đủ điều kiện khách quan, chủ quan để bình tĩnh, sáng suốt lựa chọn chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp, cũng như đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi tấn công đặc biệt trong những trường hợp bị tấn công bất ngờ. Do đó, tình tiết vượt quá giới hạn

phòng vệ chính đáng là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt. Mức độ trách nhiệm hình sự được giảm nhẹ nhiều hay ít tùy thuộc vào mức độ vượt quá giới hạn phòng vệ và các tình tiết giảm nhẹ khác. So với các tình tiết giảm nhẹ khác thì tình tiết vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được giảm nhẹ nhiều hơn.

2.1.4. Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết

Theo Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, thì tình thế cấp thiết là tình thế của một người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, lợi ích chính đáng của mình mà không còn có cách nào khác là phải có hành động gây thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa, “Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết” là trường hợp một người đứng trước sự đe dọa lợi ích được pháp luật bảo vệ, đồng thời vì muốn bảo vệ lợi ích này mà không còn cách nào khác là gây thiệt hại cho lợi ích khác cũng được pháp luật bảo vệ. Vượt qua yêu cầu của tình thế cấp thiết được coi là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì hành vi đó được thực hiện là vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây ra thiệt hại lớn hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. Mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất và cường độ của nguy cơ phải đối phó và mức độ chênh lệch giữa thiệt hại thực tế do hành vi vượt quá tình thế cấp thiết mà người phạm tội đã gây ra cho người thứ ba và thiệt hại cần ngăn ngừa. Mức thiệt hại càng lớn thì mức giảm nhẹ càng ít, mức thiệt hại càng nhỏ thì mức giảm nhẹ càng nhiều. Nếu gây thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa thì được coi là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết và không phải là tội phạm (Điều 16 Bộ luật hình sự). Do vậy, để được coi là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết và không phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện : Phải có một nguy cơ thực tế đe dọa gây ra thiệt hại ngay tức khắc, nếu không có sự tác động nhằm ngăn chặn thì thiệt hại tất yếu sẽ xảy ra; sự nguy hiểm đang đe dọa phải là sự nguy hiểm thực tế; việc gây ra thiệt hại để tránh một thiệt hại khác là sự lựa chọn duy nhất và thiệt hại gây ra nhỏ hơn thiệt hại muốn tránh. Nhưng nếu việc gây thiệt hại vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết,

thì sẽ là hành vi nguy hiểm và người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự về sự vượt quá của mình.[17]

Thiệt hại gây ra trong tình thế cấp thiết thường là tài sản và người bị gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết lại không phải là đối với người có hành vi gây ra sự nguy hiểm, đe dọa gây ra thiệt hại cho xã hội mà là người khác (người thứ ba). Về nguyên tắc Luật hình sự nước ta không thừa nhận việc gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe để bảo vệ tài sản; thiệt hại này chỉ được chấp nhận là tình thế cấp thiết trong trường hợp cá biệt (ví dụ : để cứu tính mạng của nhiều người nên buộc phải gây thiệt hại đến tính mạng cho một người hoặc một số người).

Khác với trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, Bộ luật hình sự không quy định trường hợp nào vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết là tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt mà chỉ là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

2.1.5. Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra

Trạng thái tinh thần bị kích động là tình trạng tâm lý của con người bị giảm sút và khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, đặc biệt là tính tự chủ và kiềm chế do sự tác động của ngoại cảnh.

Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm trong tình trạng không hoàn toàn chủ động mà bị hạn chế trong việc điều khiển hành vi của mình.

Tính trái pháp luật của hành vi của người bị hại hoặc của người khác là lý do của việc thực hiện tội phạm. Hành vi trái pháp luật của những người đó có thể là tội phạm, hoặc là hành vi vi phạm pháp luật khác như pháp luật hành chính, pháp luật hình sự, pháp luật hôn nhân gia đình, pháp luật dân sự... Thông thường người bị hại có hành vi trái pháp luật làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc của người thân thích của người phạm tội. Trường hợp người bị hại không có hành vi trái pháp luật, thì lúc vụ án xảy ra phải có hành vi trái pháp luật

của người khác đối với người phạm tội làm cho họ bị kích động về tinh thần. Hành vi trái pháp luật của người thứ ba có thể là nghiêm trọng và cũng có thể là hành vi trái pháp luật thông thường. Người thứ ba, thường là những người có mối quan hệ thân thích với người bị hại. Vì thực tế nếu không phải là người thân thích với người bị hại thì cũng không có lý do gì để người phạm tội phải bị kích động bởi hành vi trái pháp luật đó. Hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người thứ ba có thể chỉ là một hành động cụ thể xảy ra liền trước khi tội phạm xảy ra, nhưng cũng có trường hợp là chuỗi những hành động diễn ra trong một thời gian dài, liên tiếp tác động đến tinh thần người phạm tội làm cho họ bị đè nén, bức xúc về tâm lý.

Mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất của hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc của người khác. Người phạm tội do hành vi trái pháp luật của chính người bị hại đối với mình sẽ được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhiều hơn là phạm tội do hành vi trái pháp luật của người khác đối với mình hoặc của người bị hại đối với người thân thích của mình. Hành vi trái pháp luật của người bị hại càng nguy hiểm thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội càng nhiều. Nếu hành vi trái pháp luật lại gây ra cho người khác không có liên quan gì đến người phạm tội, thì người phạm tội không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

2.1.6. Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình tự gây ra

Đây là trường hợp người phạm tội đã thực hiện tội phạm do bị chi phối bởi hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do khách quan đưa lại, họ biết việc làm của họ là hành vi trái pháp luật nhưng vì quần bách hoặc để vượt qua khó khăn nhất thời họ đã phạm tội. Ý thức chống đối pháp luật của người phạm tội trong trường hợp này thấp hơn so với các trường hợp khác và mục đích của việc thực hiện tội phạm là nhằm thoát khỏi tình trạng khó khăn đó.

Điều kiện để được áp dụng tình tiết này là bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trong hoàn cảnh gặp khó khăn đặc biệt có thể là do thiên tai, động đất, hỏa hoạn, dịch bệnh, bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn hoặc do nguyên nhân khác. Việc xác định thể nào là khó khăn đặc biệt để coi là tình tiết giảm nhẹ thì khó khăn đó phải rơi vào

hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội và ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi phạm tội của người phạm tội.

Trường hợp bị cáo gặp khó khăn đặc biệt nhưng khó khăn này do bị cáo gây ra hoặc việc thực hiện tội phạm không phải nhằm thoát khỏi tình trạng khó khăn thì bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

“Hoàn cảnh đặc biệt khó khăn” trong tình tiết này thường là nói đến là lý do kinh tế. Do vậy, “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình gây ra” trong các tội xâm phạm về sở hữu có tính chiếm đoạt như tội trộm cắp, tội cướp giật tài sản... thì có thể được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Còn nếu vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, nhưng người phạm tội lại hủy hoại tài sản hay phạm tội giết người, tội cố ý gây thương tích thì trong trường hợp đó tình tiết này sẽ không có ý nghĩa để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội.

Mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ khó khăn mà người phạm tội rơi vào hoàn cảnh đó và mức độ cố gắng tìm cách khắc phục của người phạm tội; khó khăn càng lớn thì mức giảm nhẹ càng nhiều.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này chỉ được áp dụng đối với những tội phạm do cố ý, không áp dụng trong trường hợp người phạm tội do vô ý vì các tội phạm do vô ý không có mục đích phạm tội.

2.1.7. Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn

“Chưa gây thiệt hại” là hậu quả vật chất do hành vi phạm tội chưa xảy ra. Ví dụ trộm cắp nhưng chưa lấy được tài sản.

“Gây thiệt hại không lớn” là đã có thiệt hại xảy ra do hành vi phạm tội nhưng thiệt hại đó không nghiêm trọng so với mức bình thường. Ví dụ giết người nhưng nạn nhân chỉ bị thương.

Tình tiết “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” là những trường hợp người phạm tội đã thực hiện tội phạm nhưng chưa gây ra hậu quả cho xã hội hoặc tuy hậu quả đã xảy ra nhưng không lớn vì được hạn chế do những nguyên nhân có thể xuất phát từ trong hoặc ngoài ý muốn của người phạm tội như: Hành vi phạm tội bị phát hiện kịp thời nên không xảy ra hậu quả do đã có sự ngăn

chặn từ phía những người khác, người bị hại đã được trả ngay lại tài sản của họ. Chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn nằm ngoài ý thức chủ quan của bị cáo. Ở tình tiết giảm nhẹ này hoàn toàn không có yếu tố tác động của người phạm tội, bị cáo hoàn toàn không có hành động ngăn chặn để làm cho thiệt hại không xảy ra hoặc xảy ra không lớn. Điều này khác với tình tiết “Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” là khi người phạm tội chủ động ngăn chặn nên thiệt hại chưa xảy ra hoặc đã xảy ra nhưng thiệt hại không lớn thì thuộc trường hợp “người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm”. Hai tình tiết giảm nhẹ này giống nhau ở chỗ thiệt hại của tội phạm không xảy ra hoặc xảy ra không lớn, nhưng khác nhau ở nguyên nhân dẫn đến việc thiệt hại của tội phạm không xảy ra hoặc xảy ra không lớn. Cơ sở giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tình tiết “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” chính là sự hạn chế về mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra nên luật hình sự coi trường hợp này là trường hợp được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, sự hạn chế về thiệt hại lại do nguyên nhân khách quan nên giá trị giảm nhẹ của tình tiết này cũng chỉ ở mức độ nhất định và thấp hơn so với tình tiết “Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm”. Đó chính là cơ sở phân biệt giữa các tình tiết được quy định tại điểm a và điểm g Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và tạo ra sự khác biệt về giá trị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của hai tình tiết này.

Mức giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc hoàn toàn vào mức thiệt hại mà người phạm tội đã gây ra cho người bị hại trong phạm vi cấu thành một tội phạm cụ thể.

2.1.8. Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng

Mỗi tội phạm cụ thể đều có các tình tiết có ý nghĩa độc lập. Tuy nhiên, trong một số trường hợp một số tình tiết cụ thể chỉ có ý nghĩa hay thể hiện đầy đủ ý nghĩa của nó khi kết hợp với các tình tiết khác. Tình tiết giảm nhẹ này là một điển hình. Đây là trường hợp tình tiết có hai vế: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, kết hợp với nhau tạo thành một tình tiết có ý nghĩa về mặt hình sự. Tình tiết “Phạm tội lần đầu” chỉ có ý nghĩa giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với

người phạm tội nếu việc “lần đầu” phạm tội đó “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Do đó, điều kiện để xác định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này phải bao gồm đủ cả hai vế, nếu chỉ có một vế trong hai vế nói trên sẽ không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

Phạm tội lần đầu là từ trước tới nay chưa phạm tội lần nào. Nếu các lần trước đó bị kết án nhưng đã được xóa án tích hoặc chưa bị kết án nhưng đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nay bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong lần phạm tội sau thì không được coi là phạm tội lần đầu. Ý nghĩa của tình tiết giảm nhẹ này có tính chất nhân đạo đối với những người chưa bao giờ thực hiện hành vi phạm tội, nay vì lý do nào đó họ phạm tội lần đầu. Tuy nhiên để được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở tình tiết này thì nếu chỉ phạm tội lần đầu mà thiếu điều kiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cũng không được coi là tình tiết giảm nhẹ.

Thuộc trường hợp ít nghiêm trọng bao gồm: các tội ít nghiêm trọng (tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội) mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 3 năm tù (khoản 3, Điều 8 Bộ luật hình sự); ngoài những tội ít nghiêm trọng, người phạm tội lần đầu đối với các tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng nhưng do có các tình tiết đặc biệt của vụ án làm cho trường hợp phạm tội cụ thể đó thành ít nghiêm trọng, tính chất mức độ phạm tội chỉ rơi vào mức hình phạt từ 3 năm tù trở xuống, hoặc vị trí, vai trò của người phạm tội là ít nghiêm trọng (thường là trong trường hợp phạm tội có đồng phạm dựa trên cơ sở đánh giá vị trí, vai trò của người đồng phạm chỉ đến mức chịu hình phạt từ 3 năm tù trở xuống) thì người phạm tội cũng được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo tình tiết này.

Cần phân biệt trường hợp “ít nghiêm trọng” với “tội ít nghiêm trọng”. Tại Khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự xác định tội ít nghiêm trọng là dựa vào mức cao nhất của khung hình phạt quy định của tội phạm đó là không quá 3 năm. Còn trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng lại dựa vào mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội được thực hiện trên thực tế. Mức độ nghiêm trọng đó được xác định bằng nhiều căn cứ: mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi tương ứng với mức thấp nhất của

khung hình phạt, vai trò tham gia thực hiện tội phạm là thứ yếu; mức độ thực hiện tội phạm còn hạn chế, tác hại tội phạm không lớn hoặc đã được hạn chế. Mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà người phạm tội đã thực hiện trong phạm vi một khung hình phạt. Chỉ được coi là có giá trị giảm nhẹ khi người phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

2.1.9. Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức

Đe dọa là dọa nạt, làm cho sợ để ngăn ngừa, để sửa chữa thói sai hoặc tránh gây tác hại nguy hiểm, là tạo ra nỗi lo sợ về một tai họa có thể xảy ra; cưỡng bức là dùng sức mạnh uy hiếp tinh thần người khác để bắt buộc họ phải làm một việc nào đó dù không muốn cũng không được.

Phạm tội vì bị người khác đe dọa là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm vì bị người khác uy hiếp về mặt tinh thần, bằng cách đe dọa dùng vũ lực hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật đối với người phạm tội hoặc đối với gia đình của họ. Sự uy hiếp đó phải chứa đựng khả năng trở thành hiện thực. Còn phạm tội vì bị người khác cưỡng bức là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm vì bị người khác sử dụng bạo lực về thể chất hoặc tinh thần đối với người phạm tội, dưới bất kỳ hình thức nào, nếu hành vi cưỡng bức không phải là đe dọa.

Cưỡng bức và đe dọa tuy khác nhau về mức độ, nhưng đều làm cho người khác sợ hãi mà phải phạm tội. Khoa học Luật hình sự coi trường hợp đe dọa là cưỡng bức về tinh thần. Vì vậy, đe dọa thực chất là một trường hợp của cưỡng bức, nhưng mức độ làm cho người khác sợ hãi ít hơn trường hợp cưỡng bức về vật chất (cưỡng bức về thân thể).

Cưỡng bức về thân thể là trường hợp một người bị bạo lực vật chất tác động như bị trói, bị giam giữ, bị bịt miệng... khiến họ không hành động được theo ý muốn của mình dù họ biết nếu làm như vậy sẽ gây thiệt hại đến người khác. Người bị cưỡng bức về thân thể không phải chịu trách nhiệm hình sự vì họ không có lỗi. Người có hành vi cưỡng bức sẽ phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự về tội phạm mà người bị cưỡng bức gây ra.

Cưỡng bức về tinh thần là trường hợp một người bị đe dọa uy hiếp gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc những lợi ích khác. Người bị cưỡng bức vì sợ bị thiệt hại nên đã hành động hoặc không hành động gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Nếu người bị cưỡng bức hoàn toàn tê liệt về ý chí, không còn cách nào khác, buộc phải hành động theo ý muốn của kẻ cưỡng bức thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Nếu sự cưỡng bức chưa tới mức làm cho người bị cưỡng bức tê liệt ý chí thì người bị cưỡng bức phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên trong trường hợp này, ý thức chống đối xã hội của họ ít hơn, người phạm tội ít nguy hiểm hơn so với các trường hợp thông thường khác và được coi là phạm tội vì do người khác đe dọa, cưỡng bức. Trong trường hợp người bị cưỡng bức theo pháp luật có nghĩa vụ phải bảo vệ tính mạng, sức khỏe của công dân thì sự cưỡng bức về tinh thần dù ở mức độ nào cũng không loại trừ trách nhiệm hình sự và hành vi phạm tội của họ cũng không được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trong tình trạng bị đe dọa, cưỡng bức, hành vi của con người không hoàn toàn là kết quả của sự tự do ý chí. Do bị đe dọa, cưỡng bức, người phạm tội không hoàn toàn tự do lựa chọn, điều khiển hành vi của mình và bị buộc phải thực hiện tội phạm; những thiệt hại do hành vi phạm tội của họ gây ra không thực sự phù hợp với mong muốn của họ. Đó là lý do để các nhà lập pháp quy định “Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức” là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của thủ đoạn đe dọa, cưỡng bức; ảnh hưởng của sự đe dọa, cưỡng bức đối với trạng thái của người phạm tội; thái độ phản ứng của người bị đe dọa, cưỡng bức.

2.1.10. Phạm tội do lạc hậu

Đây là trường hợp phạm tội do trình độ nhận thức lạc hậu, thấp kém đã hạn chế khả năng nhận thức tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Người phạm tội do lạc hậu là những người có đời sống sinh hoạt xã hội chủ yếu đều theo phong tục tập quán, tín ngưỡng. Họ có hành vi trái pháp luật nhưng lại cho rằng phù hợp với phong tục, tập quán với đời sống nơi họ cư trú. Thực chất khi phạm tội họ nhận thức rất kém về tính trái pháp luật hành vi của mình.

Sự lạc hậu do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng chủ yếu bắt nguồn từ nguyên nhân khách quan như: Do không được học tập, không có những điều kiện thực tế để họ nhận biết được cái tiến bộ với cái lạc hậu. Ở nước ta, một số đồng bào sống ở vùng rừng núi, đời sống văn hóa tinh thần chưa cao, mọi quan hệ xã hội còn theo phong tục tập quán địa phương. Nhà nước ta tuy đã có biện pháp để nâng cao trình độ nhận thức cho họ, nhưng do việc phổ cập văn hóa, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật chưa được đảm bảo nên thực sự ở các địa phương này vẫn còn có người lạc hậu. Trong thực tiễn xét xử thường áp dụng tình tiết “Phạm tội do lạc hậu” đối với một số tội phạm do mê tín dị đoan, tập quán lạc hậu ở miền núi... Do đó, các nhà làm luật không những đã xây dựng tình tiết “lạc hậu” thành tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà còn là yếu tố định tội trong trường hợp đặc biệt như “Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu... giết con mới đẻ” (Điều 94 Bộ luật hình sự)

Việc xác định tình tiết giảm nhẹ này phải căn cứ vào việc đánh giá nhân thân người phạm tội, hoàn cảnh cụ thể khi xảy ra vụ án và các tình tiết khác có liên quan đến nhận thức của người phạm tội. Trên thực tế, khi áp dụng tình tiết này có trường hợp Tòa án thường chỉ quan tâm đến trình độ lạc hậu của người phạm tội mà ít chú ý đến việc phạm tội có phải do trình độ lạc hậu đó không. Mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ lạc hậu của người phạm tội, vào những điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội ở địa phương nơi người phạm tội sinh sống, và nguyên nhân ảnh hưởng đến sự lạc hậu đó là do khách quan hay còn do cả chủ quan.

2.1.11. Người phạm tội là phụ nữ có thai

Đây là trường hợp người phụ nữ thực hiện tội phạm trong thời gian đang mang thai. Trong giai đoạn mang thai, người phụ nữ thường diễn ra sự thay đổi quan trọng về tâm sinh lý dễ dẫn đến tình trạng bị kích động, hạn chế khả năng kiểm soát hành vi nên tình trạng có thai của người phạm tội lúc thực hiện tội phạm có ảnh hưởng đáng kể đối với hành vi thực hiện tội phạm. Đối với người phụ nữ không có thai mà chỉ sau khi thực hiện tội phạm, khi xét xử bị cáo mới có thai, thì về nguyên

tắc, Tòa án không được coi là tình tiết giảm nhẹ này khi quyết định hình phạt vì làm như vậy sẽ gây ra tình trạng bị cáo lợi dụng việc có thai để trốn tránh việc trừng phạt của pháp luật. Chỉ có thể áp dụng quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự đối với phụ nữ có thai khi xét xử. Không được áp dụng hình phạt tử hình với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi phạm tội khi bị xét xử (Điều 35 Bộ luật hình sự).

Mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tùy thuộc vào thời kỳ thai nghén của bị cáo và tội phạm cụ thể mà họ đã thực hiện. Đối với các tội phạm do ảnh hưởng trực tiếp của tình trạng có thai thuộc về người phụ nữ. Trong trường hợp chưa có đủ căn cứ để kết luận người phụ nữ có thai khi phạm tội thì phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định.

2.1.12. Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình

Đây là trường hợp người phạm tội khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đang mắc bệnh nào đó đã không nhận thức được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của mình, cũng như hậu quả của hành vi do mình gây ra hoặc tuy nhận thức được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của hành vi đó nhưng lại bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi, không điều khiển được hành vi theo ý muốn như muốn nói mà không nói được, muốn giữ lại hoặc chống lại mà không hành động được hoặc có hành động nhưng không được như ý muốn do hạn chế về hoạt động cơ học của cơ thể. Ví dụ: Nguyễn A bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, nên tinh thần dễ bị kích động khi bị kích động. A không kiểm soát được hành vi của mình đã đánh Trần T bị thương tích tỉ lệ thương tật của T là 36%. Trong trường hợp này lỗi của người phạm tội là lỗi hạn chế nên họ được coi là có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ này chỉ được áp dụng đối với người phạm tội có bệnh này do bẩm sinh hoặc do những tác động khách quan gây nên và phải gắn với hành vi cụ thể mà họ thực hiện chứ không phải cứ có bệnh là được giảm nhẹ. Nếu bệnh do họ tự gây ra thì không được hưởng tình tiết giảm nhẹ.

Nếu tình trạng bệnh tật của một người đã mất hoàn toàn khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi của mình thì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự (việc xác định căn cứ vào kết luận của cơ quan pháp y).

Mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào mức độ bệnh tật, mức độ hạn chế khả năng nhận thức hoặc mức độ hạn chế khả năng điều khiển hành vi của người phạm tội.

2.1.13. Người phạm tội tự thú

Theo Thông tư liên ngành số 05 ngày 02/6/1990 của Bộ nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành chính sách đối với người phạm tội ra tự thú thì khái niệm “tự thú” tại Mục 1 Phần I (Nguyên tắc chung) của Thông tư này quy định: Những người đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa bị phát hiện hoặc đã bị phát hiện, bị giam giữ, bị phạt tù nhưng trốn khỏi nơi giam giữ, trốn tránh thi hành án hoặc đang bị truy nã mà ra tự thú đều được hưởng chính sách khoan hồng của Nhà nước. Đồng thời, thông tư này quy định cụ thể đối với người phạm tội ra tự thú như sau:

Người đã thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chưa bị phát giác, không kể phạm tội gì, thuộc trường hợp nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng mà ra tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế tới mức thấp nhất hậu quả tội phạm thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại đoạn 2 khoản I Điều 48 Bộ Luật hình sự hoặc được giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự; nếu cùng với việc tự thú còn lập công lớn, vận động được nhiều người khác đã phạm tội ra tự thú thì có thể được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

Hiện nay, Thông tư này chưa bị thay thế hay bị bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, mặc dù Bộ luật hình sự năm 1985 đã bị thay thế bằng Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy nó vẫn được áp dụng trong việc giải quyết các vụ án hình sự. Khi vận dụng Thông tư này, cần dẫn chiếu sang các điều khoản tương ứng của BLHS. Đó là khoản 3 Điều 8 (Phân loại tội phạm), khoản 2 Điều 25 (Miễn trách nhiệm hình sự), Điều 46 (Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự).

Như vậy, khái niệm “Tự thú” được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả đầu thú và áp dụng cho mọi loại tội phạm, không kể là tội danh nào, ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng. Thông tư này không có hướng dẫn trường hợp nào thì áp dụng khoản 1, trường hợp nào thì áp dụng khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 (nay là khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999).

Tuy nhiên, sau khi có Bộ luật hình sự năm 1999, trong Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp, hướng dẫn các vấn đề nghiệp vụ, tại Mục 7 Phần I đã phân biệt tự thú và đầu thú để áp dụng các điểm 0 thuộc khoản 1 hay khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Theo đó: Người phạm tội tự thú là người tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình trong khi chưa ai phát hiện mình phạm tội. Đây là trường hợp tội phạm chưa bị phát hiện nhưng người thực hiện tội phạm đó đã tự đến cơ quan có thẩm quyền (Công an, Viện kiểm sát, Thanh tra...) khai báo hành vi phạm tội của mình. Cũng được coi là tự thú trong trường hợp một người bị bắt, bị phát hiện về một hành vi phạm tội cụ thể, nhưng trong quá trình điều tra tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội khác của mình mà chưa bị phát hiện. [18]

Trong trường hợp trước, khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm, thì cũng có thể được miễn trách nhiệm hình sự (Khoản 2 Điều 25 Bộ luật hình sự). Như vậy, người phạm tội tự thú có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện, đó là:

- Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú
- Sau khi đã tự thú, khai rõ sự việc, tức là khai rõ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm (nếu có), góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm.

Nếu thiếu một trong những điều kiện trên đây hoặc do tính chất mức độ phạm tội của người tự thú chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự thì được coi là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

Nếu người phạm tội tự mình nhận tội mà khai ra hành vi phạm tội của mình trong khi chưa ai phát hiện được mình phạm tội thì áp dụng tình tiết giảm nhẹ

“Tự thú” quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với người phạm tội.

Mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào thời gian, mức độ của hành vi tự thú và những điều kiện về tự thú của người phạm tội, nếu việc tự thú giúp cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh tội phạm, phát hiện, tội phạm thì mức độ giảm nhẹ nhiều hơn, thậm chí được miễn hình phạt.

2.1.14. Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải

Thành khẩn khai báo là trường hợp người phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai đầy đủ, rõ ràng và đúng sự thật tất cả những tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện và lời khai nhận của bị cáo có tác dụng chứng minh tội phạm, giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng kết thúc vụ án. Cơ sở giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tình tiết này thể hiện ở thái độ tự nguyện nhìn nhận tội lỗi, sẵn sàng chấp nhận sự trừng phạt của pháp luật, là tiền đề quan trọng cho quá trình cải tạo người phạm tội. Thái độ tích cực của người phạm tội cho phép cơ quan áp dụng pháp luật tin vào khả năng thực tế của việc cải hóa người phạm tội. Việc thành khẩn khai báo sẽ giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng kịp thời phá án và người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà họ thực hiện.

Giá trị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với trường hợp có thái độ thành khẩn khai báo tùy thuộc vào sự thành khẩn của người phạm tội ở giai đoạn tố tụng nào và tùy thuộc vào ý nghĩa thiết thực của lời khai thành khẩn đó với việc xác định hành vi phạm tội của họ cũng như các đồng phạm khác (nếu có). Có trường hợp người phạm tội thành khẩn khai báo tại giai đoạn điều tra nhưng lại quanh co chối tội tại phiên tòa. Có trường hợp tại cơ quan điều tra người phạm tội chưa thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, việc nhận tội là do kết quả đấu tranh bằng các biện pháp nghiệp vụ của cơ quan điều tra, nhưng ra phiên tòa họ lại thành khẩn thừa nhận tội phạm họ đã thực hiện. Việc thành khẩn khai báo ở giai đoạn tố tụng nào cũng có tính tích cực nhất định. Đánh giá giá trị giảm nhẹ của tình tiết này không thể đơn thuần nhìn vào thời điểm của sự thành khẩn ở giai đoạn nào trong

tổ tụng mà phải căn cứ vào ảnh hưởng của việc khai báo thành khẩn đến hiệu quả của hoạt động điều tra, xét xử.

Ăn năn hối cải là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm, người phạm tội thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm về tội lỗi của mình không chỉ bằng lời nói mà còn bằng những hành động, việc làm cụ thể để chứng minh cho việc mình hối hận và muốn sửa chữa lỗi lầm, cải tạo thành người tốt, bù đắp những tổn thất, thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra. Ví dụ: Người phạm tội đã xin lỗi người bị hại, gia đình người bị hại, quan tâm, thăm hỏi, động viên, chăm sóc người bị hại, giúp đỡ người bị hại, gia đình người bị hại về vật chất, tinh thần... Trong trường hợp người phạm tội đã tích cực thúc đẩy người thân trong gia đình bồi thường hết khả năng (bán tài sản để bồi thường thiệt hại ở mức cao nhất) thì có thể được áp dụng cả tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường thiệt hại và ăn năn hối cải (điểm b và điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự).

Mức độ giảm nhẹ của sự ăn năn hối cải phụ thuộc vào mức độ ăn năn hối cải của người phạm tội, những hành động, việc làm cụ thể để chứng minh cho sự ăn năn hối cải đó. Mức độ này không thể cân đong đo đếm được mà phụ thuộc vào sự đánh giá của người Thẩm phán. Khi xác định tình tiết giảm nhẹ này, Tòa án cần phối hợp với các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, các đoàn thể quần chúng đang quản lý người phạm tội để xác nhận thái độ của họ sau khi phạm tội. Tuy nhiên cần đề phòng trường hợp người phạm tội giả vờ ăn năn hối cải để được khoan hồng rồi tìm cách tiếp tục phạm tội.

2.1.15. Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm

Ở nước ta mỗi năm có hàng ngàn người sau khi phạm tội đã bỏ trốn, gây nhiều khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc điều tra, truy tố, xét xử đồng thời các cơ quan này phải tốn rất nhiều thời gian và công sức trong việc phát hiện và điều tra tội phạm. Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm, đồng thời mở rộng chính sách khoan hồng đối với những người phạm tội đã nhận thức ra lỗi lầm của mình, pháp luật hình sự Việt Nam đã quy định tình tiết “Người tội phạm tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội

phạm” là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự độc lập bên cạnh các tình tiết khác tại Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ này, thực chất là một điều kiện liên quan đến việc tự thú. Khi vụ án bị phát hiện người phạm tội đã giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm. Như vậy, nếu tình tiết này kết hợp với tình tiết “tự thú” sẽ đưa đến một giá trị giảm nhẹ đặc biệt về trách nhiệm hình sự như miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt. Là một điều kiện của tự thú nhưng nó lại là một tình tiết giảm nhẹ độc lập, nếu chỉ có tình tiết này thì không thể gọi là người phạm tội tự thú được. Còn nếu đã xác định người phạm tội là tự thú thì không áp dụng tình tiết này như là một tình tiết giảm nhẹ độc lập nữa.

Tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm là người phạm tội đã cung cấp các bằng chứng, tài liệu, tin tức cho cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm hoặc làm mọi việc theo yêu cầu của các cơ quan đó để phát hiện và điều tra tội phạm mà họ đã tham gia thực hiện hoặc về tội phạm khác hoặc người phạm tội khác chưa bị phát hiện và tội phạm này không có liên quan gì đến họ nhưng biết được. Như vậy, trong trường hợp người phạm tội khai báo với các cơ quan điều tra về một tội phạm khác mà chưa bị phát hiện và tội phạm này không có liên quan gì đến mình thì họ vẫn được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo tình tiết này.

2.1.16. Người phạm tội đã lập công chuộc tội

Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 không có quy định về tình tiết giảm nhẹ này. Qua thực tiễn xét xử, tình tiết này được áp dụng khi xem xét giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội nên tình tiết này đã được quy định mới trong Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Mặc dù tình tiết giảm nhẹ này mới được Bộ luật hình sự năm 1999 quy định bổ sung, nhưng trong thực tế thì các Tòa án đã áp dụng những tình tiết này khi quyết định hình phạt theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/89 HĐTP ngày 19/4/1989 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự”. Tuy nhiên, nay Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định bổ sung tình tiết này vào khoản 1 Điều 46 Bộ luật

hình sự năm 1999 và hướng dẫn tại thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT thì đối với người thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 ngày 01/7/2000 mà sau thời điểm này mới bị xét xử và nếu họ có tình tiết giảm nhẹ này thì áp dụng điểm r khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với họ.[9]

“Người phạm tội đã lập công chuộc tội” được hiểu là “Sau khi thực hiện tội phạm cho đến trước khi bị xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm) người phạm tội không những ăn năn hối cải, tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm do họ thực hiện,, mà còn có những hành động giúp đỡ cơ quan có thẩm quyền phát hiện, tham gia phát hiện tội phạm, bất kể phạm tội gì có hành động thể hiện sự quên mình vì lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền, lợi ích chính đáng của người khác... được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc chứng nhận”.

Việc lập công này thể hiện phần nào có sự hối hận cũng như quyết tâm cải tạo của người phạm tội, thể hiện ý thức chống đối xã hội của người phạm tội giảm đi. Thông thường người phạm tội được coi là lập công chuộc tội nếu họ có thành tích xuất sắc trong hoàn cảnh đặc biệt đáng được biểu dương, ca ngợi như không quân ngại khó khăn đặc biệt, có thể ảnh hưởng đến tính mạng đã lao vào đám cháy, lũ lụt để cứu người, tài sản.

Mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào công trạng người phạm tội lập được, thành tích càng lớn mức giảm càng nhiều, thậm chí có thể được miễn hình phạt nếu có thêm các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự. Trường hợp bị kết án mà lập công lớn thì người phạm tội có thể được miễn hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự.

2.1.17. Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác

Đây cũng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định mới trong Bộ luật hình sự năm 1999 so với Bộ luật hình sự năm 1985. Người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác là: Người được khen thưởng huân chương, huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo, hoặc có thể

có sáng chế phát minh có giá trị lớn hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sỹ thi đua. Như vậy, những thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác của người phạm tội phải được thể hiện bằng sự ghi công của Nhà nước như được phong tặng các danh hiệu cao quý của Nhà nước, được khen tặng về những thành tích đó ở các cấp độ khác nhau. Cơ sở giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tình tiết này xuất phát từ đòi hỏi công bằng thông qua việc cân nhắc giữa công và lập công chuộc tội của người phạm tội, đồng thời tính đến khả năng cải hóa của người phạm tội.[4]

Mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ thành tích xuất sắc mà người phạm tội đã đạt được. Khi xét xử, các Thẩm phán đều xem xét cân nhắc giữa công và tội, tùy theo công lớn hay công nhỏ đồng thời phải tính đến khả năng tiếp thu cải tạo dễ dàng hơn của người phạm tội để giảm nhẹ hình phạt một cách đáng kể trong trường hợp phạm những tội thuộc loại vô ý hay phạm tội có tính chất cơ hội, vì hoàn cảnh, phạm tội ít nghiêm trọng. Tình tiết này chỉ có ý nghĩa rất ít trong trường hợp phạm tội những tội nghiêm trọng, nhất là trường hợp người trước đây có công nay đã sa đọa, mất hết phẩm chất cách mạng, khi cần thiết phải xử lý nghiêm khắc không loại trừ những hình phạt cao nhất như chung thân hoặc tử hình.

2.1.18. Một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được bổ sung vào Bộ luật hình sự 2015

Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được bổ sung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra; Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên; Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;[5]

Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ, người có công với cách mạng. Đây có không phải là các tình tiết hoàn toàn mới. Các tình tiết này được bổ sung nhằm quy định cụ thể các tình tiết giảm nhẹ cũng như thay thế cho các tình tiết giảm nhẹ tại Điều 46 BLHS 1999. Các tình tiết này tạo ra những quy định rõ ràng,

cụ thể giúp cho các cơ quan tố tụng dễ dàng hơn trong việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

2.2. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự

Sự xuất hiện của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong vụ án hình sự làm giảm nhẹ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, người phạm tội; Có ý nghĩa rất quan trọng khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cho phép quyền tùy nghi rộng rãi đối với Tòa án trong việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, để các Tòa án áp dụng thống nhất, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã ban hành hướng dẫn các trường hợp khi xét xử Tòa án có thể coi là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, như các trường hợp sau đây:

Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo Quy định của Nhà nước.

- Bị cáo là thương binh hoặc người thân có thân thích như vợ, chồng, cha, mẹ, con (con đẻ hoặc con nuôi), anh, chị, em ruột là liệt sĩ.

- Bị cáo là người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác, có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên.

- Người bị hại cũng có lỗi

- Thiệt hại do lỗi của người thứ ba.

- Gia đình bị cáo sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo.

- Người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khỏe của người bị hại, gây thiệt hại về tài sản.

- Phạm tội trong trường hợp vì phục vụ yêu cầu công tác đột xuất như đi chống bão, lụt, cấp cứu.[8]

So với Nghị quyết 01-89/HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1985 thì Nghị quyết số 01/2000/HĐTP trên đây đã hướng dẫn một số thay đổi cơ bản như sau:

- Một số tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 như: Bị cáo sau khi phạm tội đã lập công chuộc tội; bị cáo là người có nhiều thành tích trong sản xuất, chiến đấu, công tác... nay được quy định là những tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Giữ lại bốn tình tiết giảm nhẹ theo hướng dẫn áp dụng khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 nhưng đã có sự mở rộng thêm phạm vi áp dụng hoặc có quy định cụ thể hơn điều kiện áp dụng. Ví dụ: Nghị quyết 01-89/HĐTP chỉ quy định vợ, chồng cha, mẹ, con bị cáo là người có công với nước... còn Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP mở rộng thêm đối tượng là “anh, chị, em ruột của bị cáo...” Tương tự tại tình tiết giảm nhẹ thứ hai theo Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP cũng mở rộng thêm phạm vi đối tượng là: người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác. Còn tại Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP đã hướng dẫn cụ thể “Tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên...” Bên cạnh đó sự khác nhau cơ bản giữa nghị quyết 01/89/HĐTP hướng dẫn áp dụng khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 và Nghị quyết 10/2000/NQ – HĐTP hướng dẫn áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là: Chỉ áp dụng theo khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1985 khi thuộc một trong sáu tình tiết giảm nhẹ được hướng dẫn trong Nghị quyết 01-89/HĐTP, còn khi áp dụng theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 ngoài tám trường hợp được áp dụng theo Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP thì còn có thể áp dụng các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội, nhưng phải ghi rõ bản án. Điều này cũng lý giải sự cần thiết của quy định tại khoản 2 Điều 46 xuất phát từ tính đa dạng, phong phú của tình tiết giảm nhẹ, yêu cầu đảm bảo công bằng xã hội và nguyên tắc tiết kiệm hợp lý

cưỡng chế hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự có giá trị pháp lý đáng kể, giúp Hội đồng xét xử có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội trong giới hạn một khung hình phạt và lựa chọn biện pháp chấp hành hình phạt. Một người có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự sẽ được hưởng mức hình phạt nhẹ hơn so với người có cùng hành vi phạm tội, nhưng có hoặc không có, đặc biệt trong trường hợp phạm tội bị xử phạt tù không quá 3 năm, nhân thân tốt, chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự thì Tòa án có thể xem xét cho người đó được hưởng án treo.^[10]

Bên cạnh tám tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được liệt kê trong Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự thì trong một số văn bản hướng dẫn chuyên ngành của ngành Tòa án cũng có nêu một số trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong trường hợp cụ thể như:

Tại Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự đối với trường hợp người phạm tội ra đầu thú: Đây là trường hợp đã có người biết hành vi phạm tội của người phạm tội, và người phạm tội đến cơ quan có thẩm quyền trình diện khai báo về hành vi phạm tội của mình (khác với trường hợp tự thú được quy định tại khoản 1 Điều Bộ luật hình sự). Theo hướng dẫn này, thì không phải trong mọi trường hợp người phạm tội đầu thú đều có thể được hưởng chính sách giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nếu trường hợp người phạm tội đã bị cơ quan điều tra truy bắt ráo riết không còn khả năng lẩn trốn hoặc chống cự buộc phải ra đầu thú thì mặc dù có được hưởng chính sách giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì người phạm tội đầu thú trong trường hợp này cũng không thể được hưởng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đối với người phạm tội tự thú. Giá trị giảm nhẹ trách nhiệm giữa “Tự thú”, “Đầu thú” hoàn toàn khác nhau. Nếu “Tự thú” được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, thì “Đầu thú” chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở

khoản 2 Điều 46 mà phải được Tòa án ghi rõ trong bản án. Điều này chứng tỏ giá trị giảm nhẹ của “Đầu thú” thấp hơn nhiều so với “Tự thú”. Tuy nhiên, cần phải nhận thức rằng, người phạm tội ra đầu thú giúp cho cơ quan điều tra nhanh chóng điều tra, kết luận làm sáng tỏ bản chất vụ án, giảm công sức, chi phí cho việc truy nã tội phạm, nâng cao tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án hình sự xảy ra. Thông qua đó, góp phần đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa, cũng có tạo sự tin tưởng của quần chúng vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Người phạm tội ra đầu thú cũng có nghĩa là họ đã nhận ra tội lỗi và một phần nào đó đã có thể hiện thái độ ăn năn, hối hận của mình về hành vi phạm tội do họ gây ra, chính vì vậy, là để động viên, khuyến khích người phạm tội đầu thú để được hưởng chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự năm 1999.

Đồng thời tại Công văn số 148/2002/KHXX ngày 30/9/2002 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự đối với trường hợp người phạm tội là cháu được bà ngoại là mẹ Việt Nam anh hùng nuôi dưỡng từ nhỏ, là người thân duy nhất còn lại hoặc trường hợp bị cáo có cha, mẹ được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen về những thành tích xuất sắc trong công tác.[19]

Sự ảnh hưởng của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khác nhau. Ngoài những tình tiết điển hình nhất, phổ biến nhất có tác dụng giáo dục tích cực đối với đa số các tội phạm được ghi nhận ở khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự như đã phân tích trên, tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “...Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án”. Điều này thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự, phù hợp với nguyên tắc có lợi cho bị cáo của pháp luật tố tụng hình sự, vừa giao trọng trách cho Tòa án khi thực hiện chức năng xét xử. Ngoài ra khi xét xử, tùy từng trường hợp cụ thể va hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà “Khi quyết định hình phạt, Tòa án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ nhưng phải ghi rõ ràng trong bản án”. Đây là những tình tiết được áp dụng được áp dụng trong thực tiễn xét xử của Tòa án. Quy định này là quy định mở, có tính “tình nghi”, giao trọng trách cho

Hội đồng xét xử căn cứ vào từng vụ án cụ thể, hoàn cảnh cụ thể và nhân thân của người phạm tội để xác định một tình tiết nào đó là tình tiết giảm nhẹ khác và ghi rõ vào bản án. Điều này cho thấy vai trò của Hội đồng xét xử được Nhà nước giao trọng trách cầm cân công lý cần đề cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt quyền năng xét xử được Nhà nước giao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm khi có căn cứ thì phải xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, một tình tiết không được quy định trong Bộ luật hình sự và chưa được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn nhưng được Tòa án vận dụng như một tình tiết giảm nhẹ chỉ có sức thuyết phục khi nó vừa phù hợp với chính sách hình sự của Nhà nước, với đạo đức, tâm lý, dư luận xã hội, vừa phù hợp với đặc điểm nhân thân, hoàn cảnh phạm tội cụ thể của bị cáo. Để xác định một tình tiết nào đó là tình tiết giảm nhẹ thì phải xem xét tình tiết đó có ý nghĩa làm giảm nhẹ mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội không, có phản ánh được những đặc điểm đặc biệt về hoàn cảnh phạm tội và khả năng cải tạo, giáo dục của bị cáo không.

2.3. Áp dụng Điều 47 Bộ Luật Hình Sự về giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Theo quy định tại Điều 47 BLHS thì *“Khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật này, Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật; trong trường hợp điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đó là khung hình phạt nhẹ nhất của điều luật, thì Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Lý do của việc giảm nhẹ phải được ghi rõ trong bản án”*.

Để áp dụng một cách thống nhất và tránh việc áp dụng một cách tràn lan Điều 47 BLHS, NQ số 01/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn *“...Cần hạn chế và phải hết sức chặt chẽ khi áp dụng các quy định tại Điều 47 BLHS năm 1999, trong trường hợp nếu không có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 47 BLHS năm 1999, thì bị cáo*

phải bị xử phạt ở mức cao của khung hình phạt...” và cũng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01 nêu trên thì những quy định tại Điều 47 chỉ áp dụng đối với hình phạt chính mà không áp dụng đối với hình phạt bổ sung.[10]

Tại Công văn số 148/2002/KHXX ngày 30/9/2002 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 46 và 47 BLHS có ghi “theo tinh thần quy định tại Điều 47 BLHS, thì Tòa án chỉ có thể quyết định một hình phạt nhẹ hơn dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định từ khoản 1 Điều 46 BLHS. Như vậy, việc Tòa án nào hoặc Hội đồng xét xử nào quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định, khi bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS (cho dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46) là trái với quy định tại Điều 47 BLHS...”. [19]

Thực tiễn xét xử hiện nay, cho thấy còn có không ít trường hợp áp dụng không đúng quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự. Sai sót đó không chỉ ở các Thẩm phán mà còn cả Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, vì họ cũng đề nghị không đúng, như khi đề nghị mức hình phạt trong phần luận tội về mức hình phạt thấp hơn cả mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề và Thẩm phán cũng đã xét xử theo đề nghị của Kiểm sát viên.

Ví dụ: Vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản được Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm năm 2009. Bị cáo Đào Quang L bị truy tố theo khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có khung hình phạt từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Kiểm sát viên đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức khởi điểm của khung hình phạt, song lại đề nghị mức hình phạt từ 5 đến 6 năm. Trong khi tại khoản 3 của điều luật khung hình phạt là từ bảy năm đến mười lăm năm và Thẩm phán cũng đã xét xử như vậy. Trong trường hợp này, tối thiểu Hội đồng xét xử cũng phải tuyên phạt bị cáo bảy năm tù mới đúng với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tiểu kết Chương 2

Với tình hình trẻ hóa tội phạm trên phạm vi cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng thì việc hoàn thiện pháp luật tố tụng với đối tượng phạm tội là người chưa thành niên cần được chú trọng hơn. Thực tiễn từ các thống kê về số người phạm tội là người chưa thành niên trong cả nước và cả ở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đang có dấu hiệu tăng lên nhanh chóng, chủ yếu tập trung vào các tội phạm về trật tự xã hội, ma túy... Đây là bài toán nan giải được đặt ra không chỉ dành cho các cơ quan có thẩm quyền mà là cho toàn xã hội, cho gia đình và nhà trường. Ở độ tuổi chưa thành niên việc phát triển tâm sinh lý chưa được hoàn thiện, sự sa ngã vào con đường phạm pháp rất gần, tuy nhiên đây cũng là đối tượng dễ giáo dục, cải tạo hơn người đã thành niên, vì vậy công tác xét xử cần được chú trọng. Đặc biệt việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt trao cơ hội cho người chưa thành niên hòa nhập cộng đồng rất cần được chú trọng. Pháp luật nhà nước ta quy định rất cụ thể các tình tiết giảm nhẹ, các quy định khung hình phạt dành cho người chưa thành niên. Qua thực tiễn áp dụng tuy vẫn còn một số vướng mắc nhưng công tác áp dụng thi hành hình phạt vẫn đạt được những thành công nhất định. Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được các Tòa án và cơ quan tiến hành tố tụng đặc biệt chú trọng. Đây là một trong những bước đệm nhằm giáo dục, cảm hóa người chưa thành niên phạm tội cũng như giảm bớt số lượng trẻ hóa tội phạm đang gia tăng hiện nay.

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHE
TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội tại Thành phố Đà Nẵng

3.1.1. Tình hình người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Theo thống kê của Sở LĐ-TB&XH TP. Đà Nẵng, địa phương hiện có 217.664 trẻ em dưới 16 tuổi, chiếm 21,6% dân số. Trong đó, có 2.704 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ khuyết tật, trẻ em vi phạm pháp luật...

Được biết đến là một thành phố trẻ có tốc độ đô thị hóa nhanh, đời sống người dân từng bước được nâng cao, thế nhưng cùng với sự phát triển, Đà Nẵng cũng đang phải đối mặt với mặt trái của sự phát triển đó là các vấn đề về tệ nạn xã hội, đặc biệt đối với giới trẻ, trong đó đáng lo ngại là tình trạng người chưa thành niên vi phạm pháp luật gia tăng.

Thông tin tại hội nghị, hội thảo về công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em được tổ chức gần đây tại TP. Đà Nẵng cho thấy: năm 2011, địa phương có 229 vụ việc người chưa thành niên vi phạm pháp luật với 408 đối tượng; năm 2012 có 209 vụ với 283 đối tượng; năm 2013 là 183 vụ với 260 đối tượng; năm 2014 con số này là 122 vụ với 157 đối tượng thì năm 2015, Đà Nẵng tăng mạnh số lượng các vụ người chưa thành niên vi phạm pháp luật với 155 vụ, 236 đối tượng (tăng 33 vụ; 79 đối tượng so với cùng kỳ 2014). Hành vi của các em chủ yếu là: trộm cắp tài sản, gây rối, cố ý gây thương tích, sử dụng trái phép chất ma túy...[1]

Người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tâm - sinh lý và trình độ nhận thức. Vì vậy họ thường sốc nổi, khả năng tự kiểm chế có hạn,

thiếu bản lĩnh tự lập, thiếu kinh nghiệm sống. Đồng thời họ cũng là người hiếu thắng, thiếu kiên nhẫn, dễ bị dụ dỗ, kích động, muốn được khẳng định mình... Những đặc điểm trên khiến cho người chưa thành niên dễ có nguy cơ thực hiện tội phạm nếu họ sống trong một môi trường xã hội không lành mạnh, tỷ lệ vi phạm pháp luật, tỷ lệ tội phạm cao. Bên cạnh đó, người chưa thành niên cũng là người dễ uốn nắn, cải tạo, thích nghi với cuộc sống nên việc giáo dục, cải tạo người chưa thành niên thường dễ hơn so với người đã thành niên, hiệu quả của hình phạt đạt được cao hơn. Việc giáo dục, cải tạo người chưa thành niên cần có sự kết hợp chặt chẽ của gia đình, nhà trường và xã hội. Trong đó gia đình là chủ thể chính trong việc hình thành nhân cách và giáo dục các chuẩn mực đạo đức, văn hóa, lối sống cho người chưa thành niên từ khi họ sinh ra đến khi trưởng thành. Nhà trường và xã hội cần phối hợp chặt chẽ với gia đình để việc giáo dục người chưa thành niên đạt hiệu quả cao nhất.

Với tốc độ phát triển đô thị hóa, nhập cư thì thành phố Đà Nẵng đang tìm ẩn với sự phát triển của tội phạm với độ tuổi trẻ hóa. Đây cũng là bài toán được đặt ra cho các cơ quan, ban, ngành. Tòa án với công tác xét xử là trung tâm cũng không ngoại lệ. Trong xét xử việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, định khung hình phạt hợp lý có ý nghĩa lớn lao trong công tác tuyên truyền, giáo dục đồng thời răn đe, ngăn ngừa tội phạm ở người chưa thành niên.

3.1.2. Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự

Thực tiễn trong công tác xét xử cho thấy về cơ bản các Tòa án đã áp dụng đúng đắn các quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong các vụ án mà người phạm tội là người chưa thành niên. Các cơ quan và người tiến hành tố tụng, nhất là các Thẩm phán ngày càng quan tâm đến việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt nên việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo là người chưa thành niên được chính xác hơn, thể hiện được tính nghiêm minh nhưng cũng thể hiện được sự nhân đạo trong pháp luật hình sự. Tuy nhiên, trong việc vận dụng một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự còn bộc lộ nhiều thiếu sót, vướng mắc, còn nhiều trường

hợp áp dụng không đúng nên đã quyết định một mức hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ so với hành vi của người phạm tội gây ra, dẫn đến xử dưới khung hình phạt hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn không có căn cứ theo Điều 47 Bộ luật hình sự. Trong công tác xét xử, có không ít bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ nhưng cũng không có căn cứ, không có sức thuyết phục. Một số tình tiết giảm nhẹ do chưa được hướng dẫn, hướng dẫn chưa rõ hoặc do sự nhận thức chủ quan của Hội đồng xét xử dẫn đến việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ chưa có sự thống nhất.

Ví dụ 1: Từ bản án thực tế của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu với đối tượng là người chưa thành niên phạm tội:

Trong các ngày 22.12.2015 và 23.12.2015, sau khi bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể và sử dụng phương tiện là xe mô tô dùng vào việc phạm tội, Nguyễn Ngọc Phương đã cùng Trà Duy Lộc thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản, cùng Lê Trọng Bình thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản, cùng Phan Kim Anh Tuấn thực hiện 01 vụ cướp giật trên địa bàn quận Liên Chiểu, sau đó đem tài sản do phạm tội mà có đi tiêu thụ. Tổng giá trị tài sản bị các bị can chiếm đoạt là 5.244.000 đồng (năm triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), trong đó giá trị tài sản Nguyễn Ngọc Phương chiếm đoạt là 5.244.000 đồng (năm triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng); Trà Duy Lộc chiếm đoạt là 1.280.000 đồng (một triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng); Lê Trọng Bình chiếm đoạt là 2.764.000 đồng (hai triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng); Phan Kim Anh Tuấn chiếm đoạt là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng).

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định các bị can có lý lịch dưới đây phạm tội như sau:

1. Họ và tên: Nguyễn Ngọc Phương; Tên gọi khác: Phương Bà Láng.
Sinh ngày: 30.10.2000 tại Đà Nẵng.
Tiền án, tiền sự: Chưa.
2. Họ và tên: Trà Duy Lộc Tên gọi khác: Cút.
Sinh ngày: 20.7.2000 tại Đà Nẵng.
3. Họ và tên: Lê Trọng Bình; Tên gọi khác: Bi.

Sinh ngày: 02.10.2000 tại Đà Nẵng.

4. Họ và tên: Phan Kim Anh Tuấn; Tên gọi khác: không.

Sinh ngày: 25.01.2000 tại Đà Nẵng.

Các bị cáo bị truy tố về tội “cướp giật tài sản” theo Điều 136 BLHS

Tại bản án số 60/2016/HSST ngày 26/8/2016 Tòa Án quận Liên Chiểu tuyên phạt các bị cáo với các tình tiết áp dụng như sau:

1. Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, o, g, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 69,74 BLHS xử phạt Nguyễn Ngọc Phương 24 tháng tù.

2. Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, o, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69,74 BLHS xử phạt Phan Kim Anh Tuấn 12 tháng tù.

3. Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, o, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69,74 BLHS xử phạt Lê Trọng Bình 12 tháng tù.

4. Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69,74 BLHS xử phạt Trà Duy Lộc 12 tháng tù.

Ví dụ 2: Từ bản án thực tế của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu với đối tượng là người chưa thành niên phạm tội:

Khoảng 01h30' sáng ngày 16.7.2013, tại tổ 100, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Đặng Quốc Hưng, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Sơn và Nguyễn Đức Quang sau khi bàn bạc, Hưng đã phân công Tuấn, Quang, Sơn đứng ngoài cảnh giới, còn Hưng đột nhập vào nhà bà Trần Thị Hồng Huê để trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Qmobile M2 màu đen và 5.750.000 đồng. Tuy nhiên, Hưng và Tuấn đã dấu không cho Sơn, Quang biết về chiếc điện thoại di động hiệu Iphone và số tiền 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Hưng và Tuấn đã chiếm đoạt là 17.130.000 đồng (*Mười bảy triệu một trăm ba mươi ngàn đồng*), giá trị tài sản mà Quang và Sơn đã chiếm đoạt là 5.230.000 đồng (*năm triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng*).

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định các bị can có lý lịch dưới đây phạm tội như sau:

1. Họ và tên: Đặng Quốc Hưng; Tên gọi khác: Không
Sinh ngày: 18.8.1996 tại Đà Nẵng.
2. Họ và tên: Nguyễn Văn Tuấn; Tên gọi khác: Không
Sinh ngày: 03.01.1996 tại Đà Nẵng.
3. Họ và tên: Nguyễn Sơn; Tên gọi khác: Không
Sinh ngày: 16.5.1996 tại Đà Nẵng.
4. Họ và tên: Nguyễn Đức Quang; Tên gọi khác: Không
Sinh ngày: 12.6.1995 tại Đà Nẵng.

Hành vi trên đây của các bị can Đặng Quốc Hưng, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Sơn, Nguyễn Đức Quang đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án số 30/2015/HSST Tòa án quận Liên Chiểu cũng xác định và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ ở điểm b, o, g, p để định khung hình phạt đối với các bị cáo nêu trên về tội trộm cắp tài sản.

Qua vụ án mà đối tượng phạm tội là người chưa thành niên diễn ra tại Tòa án quận Liên Chiểu các tình tiết giảm nhẹ được các cơ quan áp dụng là các điểm b, o, g, p tại Khoản 1 Điều 46 BLHS. Xét rộng ra thêm nhiều bản án thì hầu như các tình tiết này đều được áp dụng rộng rãi.

Khảo sát việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự qua hoạt động xét xử của các Tòa án thành phố Đà Nẵng trong 100 bản án có đối tượng tội phạm là người chưa thành niên trên phạm vi Thành phố Đà Nẵng được lấy ngẫu nhiên, nhận thấy hầu như không có bản án nào là không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Thậm chí, có rất nhiều bản án chỉ áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo”. Có tình tiết giảm nhẹ được áp dụng phổ biến và hầu hết trong các bản án như tình tiết “người phạm tội thành khẩn khai báo”. Ở một số tội danh quy định tại Điều 109, Điều 135, Điều 190, Điều 202 Bộ luật hình sự thì tình tiết giảm nhẹ này chiếm đến mức tối đa 100% đối với số bị cáo bị xét xử. Có tình

tiết được áp dụng nhiều như (người phạm tội sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng). Có tình tiết hầu như không được áp dụng (Phạm tội vì bị đe dọa, cưỡng bức, phạm tội do lạc hậu, người phạm tội là phụ nữ có thai). Có tình tiết áp dụng không nhiều (người phạm tội là người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, người phạm tội tự thú). Có tình tiết được áp dụng rất ít (người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác; Người phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra). Có tình tiết không được áp dụng như (phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết). Điều này được lý giải bởi pháp luật quy định nội dung của từng tình tiết giảm nhẹ một cách cụ thể, chặt chẽ và điều kiện để áp dụng tình tiết giảm nhẹ đó cũng rất chặt chẽ.

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp phiếu khảo sát và phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 46 BLHS của 100 bản án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

STT	Các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng	Số lượng được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được lấy ngẫu nhiên từ các vụ án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
1	Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm	70
2	Người phạm tội tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả	90
3	Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng	0
4	Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết	0
5	Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần	12
6	Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	2

STT	Các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng	Số lượng được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được lấy ngẫu nhiên từ các vụ án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
7	Phạm tội gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn	5
8	Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng	87
9	Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức	0
10	Phạm tội do lạc hậu	0
11	Người phạm tội là phụ nữ có thai	3
12	Người phạm tội là người già	0
13	Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế nhận thức và hành vi	10
14	Người phạm tội tự thú	11
15	Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải	100
16	Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm, điều tra tội phạm	0
17	Người phạm tội đã lập công chuộc tội	2
18	Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập và công tác	2

Tình hình áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thể hiện chi tiết hơn thông qua việc phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các bản án của Tòa án như sau:

Về tình tiết “Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm”. Thực tiễn áp dụng tình tiết này không nhiều và đa số là đúng pháp luật. Khảo sát việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ này của các Tòa án thấy phần nhiều được áp dụng cho người đồng phạm có hành vi ngăn cản người đồng phạm khác đang thực hiện hành vi có thể làm cho tác hại của tội phạm xảy ra lớn hơn, còn đối với trường hợp chỉ có một người thực hiện tội phạm thì Tòa án rất ít áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Nội dung và điều kiện áp dụng tình tiết này rất cụ thể, rõ ràng nên

không có vướng mắc khi áp dụng. Tuy nhiên vẫn còn có những Thẩm phán nhận thức sai về tình tiết giảm nhẹ này nên thường nhầm lẫn với trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc thực hiện tội phạm bởi hai trường hợp này hậu quả của tội phạm cùng chưa xảy ra nhưng trách nhiệm hình sự của tội phạm lại rất khác nhau. Bởi lẽ, ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm là trường hợp tội phạm đã hoàn thành nhưng do hành vi ngăn cản mà thiệt hại không xảy ra hoặc giảm bớt thiệt hại có thể xảy ra, còn tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là trong trường hợp tội phạm đang ở giai đoạn chuẩn bị hoặc ở giai đoạn phạm tội chưa đạt, chưa hoàn thành. Cũng có khi nhầm lẫn với trường hợp người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là trường hợp thiệt hại đã xảy ra còn ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm là làm cho thiệt hại không xảy ra hoặc nếu có xảy ra thì cũng đã được hạn chế một phần.

Về tình tiết “Người phạm tội sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”. Khảo sát thực tiễn xét xử, nhận thấy Tòa án cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ do có việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là rất phổ biến và đa số là chính xác. Tuy nhiên việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong thực tế còn chưa chính xác và không thống nhất trong tình tiết này như sau :

- Tài sản do cơ quan điều tra thu giữ, niêm phong nhưng Tòa án áp dụng điểm B khoản I điều 46 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Không có việc tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả trước khi xét xử và Tòa án cũng không buộc các bị cáo phải bồi thường nhưng lại áp dụng điểm B khoản 1 điều 46 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Có việc tự nguyện bồi thường nhưng lại không giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Gia đình bị cáo bồi thường nhưng lại áp dụng điểm b khoản 1 điều 46 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hoặc bị cáo chưa thành niên được gia đình bồi thường thay nhưng Tòa án chỉ áp dụng khoản 2 điều 46 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết “Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính

đáng”. Trong thực tiễn xét xử tình tiết giảm nhẹ này hầu như không được áp dụng vì tính tiết này là tính tiết định tội của giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96 Bộ luật hình sự) và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106 Bộ luật hình sự) nên chỉ được áp dụng trong trường hợp định tội và không được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nữa. Có một số thẩm phán áp dụng như một tình tiết giảm nhẹ trong trường hợp đối với tội giết người và tội cố ý gây thương tích cho sức khỏe của người khác khi mức độ vượt quá chưa thuộc trường hợp là yếu tố định tội, nhưng trường hợp áp dụng này là rất ít. Đối với các tội khác hầu như không thấy áp dụng. Bởi lẽ, trong thực tế do sự nhận thức chủ quan của từng Thẩm phán thật khó xác định được vượt quá giới hạn ở mức độ nào thì là yếu tố định tội và vượt quá giới hạn ở mức độ nào thì được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết “Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết”. Khảo sát thực tiễn xét xử, các Tòa án rất ít áp dụng tình tiết giảm nhẹ này do nội dung và điều kiện để áp dụng tình tiết này trong thực tiễn xét xử khó phân biệt và thường hay nhầm lẫn với trường hợp “sự kiện bất ngờ” gây thiệt hại không có lỗi và có thể được loại trừ trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra”. Tình tiết này áp dụng không nhiều. Khảo sát thực tiễn xét xử, 1 gặp những trường hợp Tòa án tuyên bố bị cáo phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo quy định tại Điều 95 hoặc Điều 105 Bộ luật hình sự, mà thường chỉ gặp các trường hợp Tòa án áp dụng tình tiết giảm nhẹ này để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt và thường chỉ áp dụng khi xét xử đối với hai tội : tội giết người và cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, đối với các tội phạm khác ít thấy tòa áp dụng.

Về tình tiết “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình

gây ra”, thực tiễn xét xử các Tòa án áp dụng tình tiết này không nhiều. Trong một số trường hợp, Thẩm phán đánh giá mang tính chủ quan chỉ chú ý đến hoàn cảnh khó khăn của bị cáo lúc vi phạm hoặc lúc xét xử mà không xác định có phải nguyên nhân chính là vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không do bị cáo gây ra là động cơ thúc đẩy bị cáo phạm tội chứ không phải bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

Về tình tiết “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”. Thực tiễn xét xử các Tòa án vận dụng tình tiết này nhiều và tương đối thống nhất nhưng vẫn còn những cách hiểu khác nhau xuất phát từ cách hiểu: Hậu quả của tội phạm phải do hành vi phạm tội gây ra (có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả). Hậu quả đó có thể là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc hậu quả phí vật chất (gây ảnh hưởng đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội). Đối với các tội có quy định về giá trị tài sản bị chiếm đoạt... thì việc xác định hậu quả thiệt hại về tài sản không phải căn cứ vào giá trị tài sản bị chiếm đoạt, vì giá trị tài sản này đã được quy định thành tình tiết định khung riêng biệt. Hậu quả phải là thiệt hại tài sản ngoài giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Từ cách hiểu này, có Tòa án áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với những tội lỗi có cấu thành vật chất và những tội có cấu thành hình thức, nhưng có Tòa án không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với những tội có cấu thành hình thức như tội cướp tài sản mặc dù không chiếm đoạt được tài sản nhưng hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đã hoàn thành.

Về tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Hầu hết trong các bản án nẹp áp dụng tình tiết này chỉ áp dụng đối với tội ít nghiêm trọng, rất ít trường hợp áp dụng cho tội nghiêm trọng, nếu có chỉ có trong trường hợp đồng phạm mà vị trí, vai trò, mức độ tham gia thực hiện tội phạm của người đồng phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. việc áp dụng tình tiết này ở về đầu “phạm tội lần đầu” thì đã rõ ràng, để áp dụng, còn “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” thì có nhiều cách hiểu và nhận thức không chính xác nên có một số thẩm phán vận dụng không đúng dẫn đến áp dụng điểm h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự không đúng, có trường hợp còn áp dụng tùy tiện.

Về tình tiết “Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức”, thực tiễn xét xử các Tòa án thường áp dụng tình tiết này đối với các bị cáo trong vụ án cưỡng bức buộc phải thực hiện tội phạm. Trong thực tiễn khi áp dụng tình tiết này thường vướng mắc ở chỗ rất khó xác định mức độ bị cưỡng bức và lời nói, hành động của hành vi đe dọa, và thường mắc sai lầm khi không xét đến thái độ tâm lý của người bị đe dọa hoặc cưỡng bức có phải vì bị đe dọa hoặc vì bị cưỡng bức mà phải phạm tội hay không.

Về tình tiết “Phạm tội do lạc hậu”. Tình tiết này chỉ được áp dụng đối với một số trường hợp bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa nơi có nhiều hủ tục lạc hậu, bị cáo thường không biết chữ và ít được tiếp xúc với đời sống tiến bộ là được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Tuy nhiên, khi áp dụng tình tiết này, do nhận thức chủ quan của người thẩm phán chỉ chú ý đến tình trạng lạc hậu chung về dân trí của địa phương mà không căn cứ vào tình trạng lạc hậu cụ thể của người phạm tội và điều kiện lạc hậu đó lại không gắn liền với việc thực hiện hành vi tội phạm của người phạm tội.

Về tình tiết “Người phạm tội là phụ nữ có thai”. Trong thực tiễn áp dụng tình tiết này không có gì vướng mắc. Do nhận thức chủ quan của người thẩm phán tin vào lời khai của người phạm tội mà không xem xét đến kết luận của giám định y khoa về tình trạng phạm tội mà không xem xét đến kết luận của giám định y khoa về tình trạng mang thai của người phạm tội, nên sai lầm xảy ra khi không phân biệt người phạm tội đã có thai trước khi thực hiện hành vi phạm tội hay sau khi thực hiện hành vi phạm tội người phạm tội mới có thai nhằm trốn tránh sự chấp hành hình phạt của pháp luật hình sự.

Về tình tiết “Người phạm tội tự thú”. Thực tiễn xét xử áp dụng tình tiết này tương đối nhiều. Một thực trạng vướng mắc trong việc xác định và áp dụng tình tiết này thường nhầm lẫn với trường hợp “Người phạm tội đầu thú” quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật dân sự. Điều đó dẫn đến việc áp dụng khác nhau giữa Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm.

Về tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải”, tình tiết

này đều áp dụng hầu hết trong các bản án và phần lớn là áp dụng chính xác nhưng vẫn còn có cách hiểu khác nhau: Như trường hợp bị cáo vừa thành khẩn khai báo, vừa ăn năn hối cải có Tòa án xác định bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ, có Tòa án xác định bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ. Trong thực tiễn xét xử có nhiều trường hợp Thẩm phán chưa đánh giá đầy đủ hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết “Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm”, thực tiễn xét xử Tòa án áp dụng tình tiết này không nhiều. Tuy nhiên vẫn gặp những sai sót trong cách hiểu và đánh giá, như Tòa án cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này khi người phạm tội hoàn toàn không có hành vi có tính tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm ngoài việc thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Và thực tiễn xét xử cũng gặp trường hợp người phạm tội khai ra người phạm tội khác và không cung cấp thêm được chứng cứ nào khác, cơ quan điều tra không có căn cứ nào chứng minh có người phạm tội như lời khai đó nhưng Tòa án vẫn áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Về tình tiết “Người phạm tội đã lập công chuộc tội”, thực tiễn Tòa án áp dụng tình tiết này không nhiều, và tình tiết này thường được áp dụng với bị cáo đang tại ngoại vì có điều kiện lập công chuộc tội hơn người đang bị tạm giam. Về tình tiết “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất học tập, lao động hoặc chiến đấu”. Thực tế việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với người được tặng thưởng huân chương, huy chương thì việc áp dụng tình tiết này là chính xác, nhưng đối với người được tặng thưởng nhiều bằng khen thì có được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này hay không là chưa thống nhất có Thẩm phán áp dụng điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự Thẩm phán xác định đây là tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

3.1.3. Thực tiễn áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác

Thực tiễn áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 trong hoạt động xét xử cho thấy, ngoài các tình tiết được nêu trong Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP, Công văn số 81/2002//TANDTC và Công văn số 148/2002/KHXX còn có khá

nhiều tình tiết chưa áp dụng để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội như: Gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; trình độ văn hóa của bị cáo thấp, không am hiểu pháp luật, phạm tội do bộc phát, nhất thời, phạm tội vì phụ thuộc vào người khác, nể nang, không có tính chất vụ lợi; người phạm tội có tuổi đời còn khá trẻ; phạm tội do bị lôi kéo, rủ rê; tài sản do phạm tội mà có đã thu hồi được; sự việc phạm tội xảy ra đã lâu; phạm tội do quá tin người khác; người phạm tội có công việc ổn định và được bảo lãnh; người phạm tội vận động đồng bọn tự thú, hoàn cảnh gia đình người phạm tội khó khăn; người phạm tội có con nhỏ hoặc đông con, người phạm tội là người lao động chính trong gia đình, vợ hoặc chồng của bị cáo đang thụ hình ở trại cải tạo, bị cáo đang mắc bệnh nặng, nan y, người phạm tội và người bị hại có quan hệ ruột thịt, gia đình: vợ của bị cáo mới sinh con hoặc đang có thai, hoặc tật nguyên... Việc Tòa án áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên là nhằm thực hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự đối với người phạm tội, nhằm tạo điều kiện cho họ nhanh chóng cải tạo, giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên trong một số trường hợp. Tòa án đã mở rộng một cách vô căn cứ phạm vi áp dụng những tình tiết mà theo Tòa án là những tình tiết giảm nhẹ như bị cáo có thời gian tạm giam lâu, phạm tội do dùng chất kích thích dẫn đến không làm chủ được bản thân; bị cáo có người thân trong gia đình là cán bộ, viên chức Nhà nước, người phạm tội là Đảng viên. Hơn thế nữa, một số Hội đồng xét xử còn áp dụng cả tình tiết như: Bố dượng của bị cáo là liệt sĩ, mẹ của bị cáo nguyên là vợ của liệt sĩ, bị cáo hoặc gia đình bị cáo có tài sản đủ để đảm bảo việc bồi thường...

Để tránh việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này một cách tùy tiện làm giảm hiệu quả đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm thì khi xét xử Hội đồng xét xử phải xem xét toàn diện, cân nhắc thận trọng, nhân tính các tình tiết phải xác đáng và có căn cứ. Một tình tiết tuy không được quy định trong Bộ luật hình sự và chưa được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn nhưng được Tòa án coi là tình tiết giảm nhẹ chỉ có sức thuyết phục khi nó vừa phù hợp với chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước, phù hợp với đạo đức, tâm lý, dư luận xã hội, vừa phù hợp với

đặc điểm về nhân thân, hoàn cảnh phạm tội cụ thể của bị cáo, tình tiết có ý nghĩa làm việc giảm mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Đặc biệt là đối với người phạm tội là người chưa thành niên, công tác xét xử định khung tội phạm cần chú trọng hơn, vì đây là đối tượng trẻ có thể cải tạo được.

Tòa án rất quan tâm đến việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000, Công văn số 81/2002 và tình tiết giảm nhẹ do Hội đồng xét xử lựa chọn vận dụng rất đa dạng, phong phú. Điều này cho thấy, Hội đồng xét xử đã thực hiện tốt quyền năng xét xử của Nhà nước giao nên khi có căn cứ thì xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác để áp dụng theo khoản 2 Điều 46 mặc dù tình tiết đó chưa được ngành cấp trên hướng dẫn bằng văn bản. Trong tổng số bị cáo bị xét xử ở các tội phạm khác nhau, số bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 ở một số tội chiếm tỷ lệ rất cao so với bị cáo bị xét xử trong từng tội. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được hướng dẫn tại công văn số 148/2002/KHXX không được áp dụng trong 100 bản án này, vì trường hợp người phạm tội được giảm nhẹ trong hướng dẫn của công văn rất hiếm gặp trong thực tế.^[19]

Mặc dù hầu hết các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 được áp dụng đúng trong thực tiễn, tuy nhiên về một số tình tiết giảm nhẹ các Tòa án vẫn còn có cách hiểu và đánh giá khác nhau như:

Tình tiết “Gia đình bị cáo sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo”. Sau khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, người phạm tội thường bị tạm giữ, tạm giam nên không có điều kiện khách quan thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Việc quy định rạch ròi, việc bị cáo tự thực hiện việc bồi thường là căn cứ để xác định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 46 như hiện nay trong một số trường hợp chưa đảm bảo tính công bằng, gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật. Nhiều trường hợp gia đình bị cáo bồi thường bằng tài sản chung của gia đình trong đó có phần của bị cáo.

Xét bản án của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng:

Tại bản án số 04/2015/HSST ngày 26/01/2015 của Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng nhận định bị cáo Nguyễn Anh Tú sinh năm 2000, điều khiển xe mô tô vi phạm qui định tại khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13 Luật giao thông đường bộ gây hậu quả nghiêm trọng làm chết ông Đỗ Văn Huyền Vũ. Về phần dân sự, bà Nguyễn Thị Lý (mẹ bị cáo) đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do Tú gây ra và không có yêu cầu gì. Khi quyết định hình phạt, Tòa án áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không đúng vì bị cáo không có tác động gì đến gia đình. Lẽ ra theo quy định của pháp luật hiện hành, thay vì áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Tòa án cần áp dụng khoản 2 Điều 46 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong thực tiễn xét xử cho thấy, có khá nhiều trường hợp sau khi phạm tội, người phạm tội ít có cơ hội, điều kiện để tự mình trực tiếp thực hiện việc sửa chữa, khắc phục hậu quả hoặc bồi thường thiệt hại. Trong những trường hợp như vậy thông thường những người thân thích, ruột thịt của người phạm tội đứng ra bồi thường, ngoài những trường hợp là người thân thích, ruột thịt của bị cáo như hướng dẫn tại nghị quyết 01/2000 ngày 04/2/2000 của Hội Đồng Thẩm Phán Tòa Án Nhân Dân Tối Cao thì trường hợp bạn của bị cáo bồi thường thay cho bị cáo hoặc bị cáo là người chuyên môn cao đang đảm nhiệm công việc quan trọng trong công ty, doanh nghiệp, tuy không có liên quan những đơn vị đó đã chủ động chi một khoản tiền bồi thường thay cho bị cáo với mục đích xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm được trở về phục vụ đơn vị. Vậy trong các trường hợp này Tòa Án có thể cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ Luật Hình Sự không?

Trong thực tiễn xét xử, để tạo cơ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã bồi thường thiệt hại có tính tượng trưng, tỷ lệ rất thấp so với thiệt hại thực tế gây ra để được Hội Đồng Xét Xử ghi nhận trong bản án rằng bị cáo đã khắc phục, bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại, phía gia đình người bị hại để được hưởng mức án thấp. Vậy chuẩn mực nào về định lượng bồi thường thiệt hại được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được hướng dẫn cụ thể, tránh sự lạm dụng tình tiết giảm nhẹ bằng cách bồi thường nhỏ giọt để được giảm hình phạt, giảm án.

Ví dụ: Vụ án Phan Gia L cùng đồng bọn phạm tội giết người được Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử năm 2003. Trong đó bị cáo Nguyễn Trần Thanh Q bị tuyên xử 9 năm tù và bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 95.000.000 đồng. Sau khi xử sơ thẩm bị cáo Q khắc phục tiếp 10.000.000 đồng và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Cấp xét xử phúc thẩm nhận định bị cáo Q khắc phục tiếp thiệt hại cho gia đình bị hại là tình tiết mới nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q còn 7 năm tù. Việc cấp phúc thẩm nhận định như trên là sai lầm vì trong trường hợp này bị cáo Q chỉ khắc phục mang tính tượng trưng.

3.2. Những vi phạm, sai lầm trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội và nguyên nhân

3.2.1. Những vi phạm, sai lầm trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Nhìn chung, những vi phạm trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chủ yếu khi xét xử tòa án áp dụng sai các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự dẫn đến khi quyết định hình phạt nhẹ hơn.

Trong thực tiễn xét xử, vẫn còn một số sai lầm trong quá trình vận dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt:

- + Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ không có căn cứ, thiếu chính xác.
- + Đánh giá không chính xác mức độ ảnh hưởng của tình tiết giảm nhẹ đến trách nhiệm hình sự.
- + Xử lý chưa đúng mối quan hệ giữa tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong một số vụ án hình sự.

Trong thực tiễn xét xử, một vụ án không đơn thuần có mỗi tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng trách nhiệm hình sự; có thể không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hoặc đồng thời có cả tính tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ. Như vậy Tòa án phải cân nhắc như thế nào khi có sự đan xen giữa tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng, từ đó có thể quyết định hình phạt công bằng, hợp lý, phù hợp với người phạm tội đó. Đây là một vấn đề khó khi Tòa án đánh giá, xác định ý nghĩa “trọng lượng” của các tình tiết giảm nhẹ. Các tính tiết giảm nhẹ, thứ tự của các điểm (các tình tiết giảm

nhẹ) trong điều luật không có ý nghĩa tầm quan trọng hay “trọng lượng” nặng, nhẹ của từng tình tiết giảm nhẹ đó. Các tình tiết giảm nhẹ theo pháp luật hiện hành là có giá trị (ý nghĩa) như nhau. Đây là một vấn đề có nhiều ý kiến tranh luận và đa số cho là quy định như vậy chưa hợp lý, không phù hợp với thực tiễn.

Trong thực tiễn xét xử, việc đánh giá, cân nhắc để xác định mức độ “nhẹ” là rất khó khăn, phức tạp và chưa có sự thống nhất bởi nó lệ thuộc vào ý thức pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân.

Thực tiễn áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 trong hoạt động xét xử cho thấy ngoài các tình tiết được nêu trong văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, còn có khá nhiều tình tiết chưa được hướng dẫn áp dụng, nhưng các cấp Tòa án vẫn thường xuyên áp dụng để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội. Do các tình tiết giảm nhẹ loại này là quy định mang tính tùy nghi, giao quyền quyết định cho Tòa án và Hội đồng xét xử nên không thể tránh khỏi có việc lợi dụng quy định này để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo bằng cách xác định và áp dụng tình tiết giảm nhẹ tùy tiện không có căn cứ.

Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự một cách tùy tiện thiếu căn cứ không những vi phạm nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự mà còn làm ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Đối với đối tượng phạm tội là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn thấp, sự phát triển về tâm sinh lý chưa được ổn định nên việc cân nhắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ định khung hình phạt cần đặc biệt quan tâm, tránh ra các bản án quá nhẹ không mang tính răn đe giáo dục, hay các bản án quá nặng không đảm bảo tính tương trợ kết hợp với chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự nước ta.

3.2.2. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm trong quá trình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Từ những phân tích, đánh giá về thực trạng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy còn nhiều khó khăn vướng mắc, và những tồn tại, bất cập, thậm chí là vi phạm khi vận dụng một hoặc một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cụ thể. Chúng đều xuất phát từ những

nguyên nhân sau:

- Sự chưa hoàn thiện của pháp luật quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự làm cho người áp dụng pháp luật trở nên lúng túng, chưa hiểu hết được đầy đủ nội dung, điều kiện áp dụng của một số tình tiết giảm nhẹ cụ thể nên vận dụng sai dẫn đến quyết định mức hình phạt cho người phạm tội không chính xác.

- Các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật ban hành chưa kịp thời, chưa đầy đủ. Tại khoản 1 Điều 46 BLHS quy định 18 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những căn cứ quyết định hình phạt, thể hiện nội dung quan trọng trong chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự của Nhà nước ta nhưng Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng chỉ hướng dẫn, giải thích một số tình tiết giảm nhẹ như: thế nào là “Đã lập công chuộc tội”, “Người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc trong công tác”, và nêu một số tình tiết giảm nhẹ nào được coi là các tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Còn tại Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 cũng chỉ hướng dẫn tình tiết “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”. Hầu như các tình tiết giảm nhẹ khác thì không được hướng dẫn cụ thể, dẫn đến có những nhận thức khác nhau và hậu quả là các Tòa án áp dụng pháp luật chưa thống nhất.

- Việc tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ không thường xuyên và chất lượng còn hạn chế. Thời gian tập huấn rất ngắn, chỉ từ 3-5 ngày. Mỗi lần tập huấn mỗi Tòa địa phương chỉ cử đi được vài người, số lượng người tập huấn rất hạn chế. Ngay đối với các quy định của Luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ hầu như các điều tra viên không được tập huấn nên khi điều tra, thu thập chứng cứ chỉ tập trung làm rõ bị can, bị cáo có phạm tội hay không, luôn tìm các chứng cứ buộc tội bị can, rất ít khi chú ý đến việc thu thập chứng cứ chứng minh người phạm tội có những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Mặc khác, chế độ tiền lương và chính sách đãi ngộ với cán bộ ngành Tòa án chưa tương xứng với nhiệm vụ và chức trách được giao nên dẫn đến tình trạng một số cán bộ thiếu nhiệt tình trong công tác, không nhiệt huyết đối với công việc dẫn

đến án tồn đọng, kéo dài, nếu làm thì làm qua loa dẫn đến nhiều vụ án bị hủy, cải sửa nghiêm trọng, hiệu quả công việc thấp, chất lượng công việc không cao.

Ngoài các nguyên nhân khách quan như đã nêu trên dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất của các Thẩm phán thì vấn đề chính vẫn là nâng cao nhận thức pháp luật để có nhận thức đúng và áp dụng hiệu quả các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46 BLHS.

3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự

3.3.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự về quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội

Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị nêu rõ: Khi xét xử phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự là dân chủ, khách quan; việc phán quyết của Tòa án phải có sức thuyết phục. Thực hiện đường lối cải cách tư pháp của Đảng, các cơ quan tư pháp hình sự đã và đang tiến hành đồng loạt nhiều giải pháp mang tính đồng bộ, nhằm đạt được mục tiêu đề ra, song mục tiêu nổi bật và có tính thường xuyên phải kể đến là mỗi bản án, quyết định của tòa án phải đảm bảo khách quan, công bằng và dân chủ. Muốn vậy việc làm đầu tiên có ý nghĩa quyết định để thực hiện được nguyên tắc công bằng, dân chủ là phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự.

Hiện nay, quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là tương đối đầy đủ, rõ ràng giúp cho việc áp dụng khi quyết định hình phạt được chính xác hơn. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử vẫn còn có những tình tiết gây ra nhiều cách hiểu khác nhau nên cần có văn bản hướng dẫn thống nhất áp dụng pháp luật hoặc cần có những tình tiết trong thực tiễn áp dụng có giá trị giảm nhẹ cần phải bổ sung vào điều luật. Có như vậy thì quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Luật hình sự mới ngày càng hoàn thiện, bảo đảm cho việc thực hiện và áp dụng pháp luật đạt được kết quả cao trong thực tiễn, đảm bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa,

thể hiện được tính nhân đạo mà pháp luật hình sự Việt Nam đang hướng tới.

Những vấn đề bất cập, vướng mắc đòi hỏi cần phải được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn đó là:

Thứ nhất, Bổ sung khái niệm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và khái niệm tự thú, đầu thú. Một số khái niệm chưa được quy định cụ thể trong Bộ luật hình sự cũng như các văn bản hướng dẫn, khiến cho việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khó khăn, không chính xác và nhầm lẫn với một số tình tiết khác.

Tại khoản 2 Điều 3 BLHS quy định “Khoan hồng đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra” và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 cũng chỉ có người phạm tội “tự thú” mà không có quy định về người phạm tội “đầu thú”. Người phạm tội ra đầu thú giúp cơ quan điều tra nhanh chóng điều tra, kết luận làm sáng tỏ bản chất giúp cơ quan điều tra nhanh chóng điều tra, kết luận làm sáng tỏ bản chất vụ án, giảm công sức, chi phí cho việc truy nã tội phạm, nâng cao tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án hình sự xảy ra. Do đó, cần bổ sung thêm quy định về chính sách giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội đầu thú. Thêm cụm từ “đầu thú” vào sau cụm từ “tự thú” tại đoạn 3 khoản 2 Điều 3 BLHS. Sau khi bổ sung thì Điều luật sẽ là: “Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú...” và tại điểm 0 khoản 1 Điều 46 “Người phạm tội tự thú, đầu thú.”.

Thứ hai, Mở rộng phạm vi áp dụng đối với chủ thể bồi thường trong tình tiết “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”. Nhìn từ góc độ pháp chế, công bằng và nhân đạo, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 cần được sửa đổi theo hướng ghi nhận cả những trường hợp mà người thân thích của người phạm tội đứng ra sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do tội phạm gây ra trước khi phiên tòa tương ứng được mở, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Thực tế thật khó xác định bồi thường, khắc phục hậu quả ở mức độ nào mới

được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Tại Nghị quyết số 01/2001/NQ-HDDTP ngày 15/3/2001 chỉ hướng dẫn Điều 139 Điều luật hình sự được coi là đã bồi thường được một phần đáng kể giá trị tài sản bị chiếm đoạt nếu đã bồi thường được ít nhất 1/2 giá trị tài sản bị chiếm đoạt, đã bồi thường từ 1/3 đến dưới 1/2 giá trị tài sản bị chiếm đoạt nếu có căn cứ chứng minh rằng người phạm tội hoặc người thân thích, ruột thịt của người phạm tội đã thực hiện mọi biện pháp để bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt (đã bán hết nhà ở, tài sản có giá trị, cố gắng vay mượn đến mức tối đa thì có thể không bị xử phạt tử hình người phạm tội mà tùy vào số tiền đã bồi thường được mà có thể xử phạt người phạm tội tù chung thân hoặc tù có thời hạn. Vậy còn những tội khác thì chưa được hướng dẫn. Hiện nay các tội xâm phạm sở hữu tài sản hằng năm chiếm khoảng trên 40% các vụ án được đưa ra xét xử và phần lớn trong các vụ án đó người phạm tội ít nhiều có tự nguyện bồi thường thiệt hại, vậy cần hướng dẫn nếu đã tự nguyện bồi thường 1/3 thiệt hại, 1/2 thiệt hại hoặc đã bồi thường toàn bộ thiệt hại thì mức độ giảm nhẹ áp dụng cho từng mức bồi thường như thế nào.

Thứ ba, Cần giải thích như thế nào là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Gây thiệt hại về vật chất thì mức giá trị thiệt hại là bao nhiêu thì được coi là không lớn, gây thiệt hại về sức khỏe thì tỷ lệ thương tích bao nhiêu thì được coi là không lớn.

Thứ tư, Tòa án có thể áp dụng Điều 47 BLHS khi có đủ các căn cứ sau: Khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS.[15]

Như vậy, thế nào là hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46. Có quan điểm cho rằng phải đầy đủ các tình tiết theo qui định tại các điểm của khoản 1 Điều 46 mới được coi là một tình tiết, theo quan điểm này thì phải có đầy đủ các tình tiết nêu trong hai điểm của khoản 1 Điều 46 mới có thể được áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Thực tiễn áp dụng pháp luật thiết kế theo hướng ghép. Chẳng hạn tình tiết “người phạm tội thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải” là hai tình tiết khác nhau có thể người phạm tội thành khẩn khai báo nhưng không ăn năn hối cải. Cũng có thể hai tình tiết hòa vào nhau nhưng khi áp dụng thì Tòa án vẫn xác định là hai tình tiết giảm nhẹ chứ không phải là một. Tòa án nhân dân tối cao chưa có văn bản

chính thức nào để hướng dẫn về việc áp dụng hai hay nhiều tình tiết giảm nhẹ trong một điểm của khoản 1 Điều 46 BLHS.

Hoặc khi không có tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 46 nhưng lại có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 46. Về nguyên tắc thì phải có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46, tuy nhiên khoản 2 Điều 46 cũng cho phép: “Khi quyết định hình phạt, Tòa án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải có ghi rõ trong bản án”. Vậy Tòa án có được áp dụng Điều 47 khi có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 và các tình tiết được hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP. Mặc dù theo đánh giá các Thẩm phán xác định “trọng lượng” của các tình tiết giảm nhẹ thì rõ ràng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 “nặng” hơn “ý nghĩa” hơn so với các tình tiết ở khoản 2 Điều 46 “nặng” hơn “ý nghĩa” hơn so với các tình tiết ở khoản 2 Điều 46. Mục đích ghi nhiều (hơn hai) tình tiết giảm nhẹ trong bản án chỉ ở khoản 2 Điều 46 là để làm gì, khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 46 thì có đủ “trọng lượng” để áp dụng Điều 47 cho người phạm tội không khi họ không có tình tiết tăng nặng và không có tình tiết giảm nhẹ nào ở khoản 1 Điều 46.

Từ những phân tích những vướng mắc này, nên chăng để tránh xu hướng áp dụng tùy tiện, không có căn cứ làm giảm hiệu quả đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm thì liên ngành các cơ quan Tư pháp trung ương cần ban hành văn bản hướng dẫn xác định các tiêu chí nào để coi một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chưa được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46. Theo chúng tôi là trên cơ sở cân nhắc giữa cái lợi và cái hại của những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS hiện hành, nhà làm luật cần nghiên cứu và cơ cấu lại điều luật này theo hướng lựa chọn những tình tiết có giá trị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thực sự để quy định bổ sung vào khoản 1 Điều 46 để tránh sự tùy tiện trong thực tiễn xét xử.

Quan điểm bổ sung của em về vấn đề này là thực tiễn cuộc sống, diễn biến của vụ án rất đa dạng nên nhà làm luật không thể đưa ra cụ thể từng tình tiết giảm nhẹ trong hướng dẫn áp dụng được nên phải có thêm quy định tùy nghi. Nếu không quy

định sẽ không thể áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án vì không có căn cứ áp dụng và như vậy sẽ ảnh hưởng đến lợi ích chính đáng của bị cáo. Như vậy, vừa có quy định mở vừa đảm bảo không được tùy tiện áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt thì qua thực tiễn công tác xét xử các cấp có thẩm quyền cần có sự tổng kết, đánh giá cũng như có hướng dẫn bổ sung thêm các tình tiết giảm nhẹ khác để tạo được sự thống nhất thuận lợi trong quá trình áp dụng.

Thứ năm, Cần quy định rõ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được cân nhắc ở bước quyết định hình phạt, thì chúng sẽ được Tòa xem xét và áp dụng khi cho người bị kết án miễn hình phạt, cho được hưởng án treo.

Thứ sáu, Trong tiến trình cải cách và đổi mới hệ thống pháp luật và hệ thống tư pháp, xét xử của Việt Nam hiện nay, trong khi chờ đợi sự chuyển đổi cụ thể hệ thống tòa án của nước ta, cần sớm đưa vào thí điểm việc xây dựng và áp dụng án lệ, để tạo điều kiện cho tòa án và các thẩm phán tích cực tham gia sáng tạo, bổ sung luật pháp trong quá trình kinh qua thực tiễn xét xử của họ, vốn là một yêu cầu thực tiễn của tình trạng thiếu luật hoặc có nhiều khe hở, sơ sót của các văn bản pháp luật, hoặc tính lạc hậu nhanh của một số văn bản luật pháp không theo kịp thực tiễn phát triển quá nhanh, có tính bùng nổ của nền kinh tế xã hội của đất nước. Ngoài vai trò của TANDTC nên chọn những tòa án nhân dân cấp tỉnh vốn có đội ngũ thẩm phán có trình độ chuyên môn cao được giao thẩm quyền thí điểm đưa ra các bản án điển hình (trong quá trình xét xử thực tiễn các vụ án) được coi như án lệ, mẫu mực để bắt buộc các tòa án cấp dưới phải tuân thủ vận dụng trong các vụ án tương tự mà các tòa này thụ lý.

3.2.2. Các giải pháp khác

Bên cạnh việc hoàn thiện các quy định của pháp luật nói chung và quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Luật hình sự Việt Nam nói riêng cũng như ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn việc áp dụng là hết sức cần thiết thì để khắc phục những thiếu sót, áp dụng pháp luật chỉ cần phải nâng cao trình độ nhận thức của những người tiến hành tố tụng, đặc biệt là đội ngũ thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Vì vậy cần phải hết sức quan tâm đến việc tuyển chọn, đào tạo, bồi

dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp, đặc biệt là các Thẩm phán Tòa án một cách toàn diện. Phải có cơ chế phù hợp để nâng cao vị thế của người thẩm phán. Đối với những cán bộ chưa đủ chuẩn về kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ để làm thẩm phán, thì tạo điều kiện để họ học tập nâng cao trình độ, đáp ứng tiêu chuẩn đòi hỏi trình độ của người Thẩm phán để đảm bảo có được đội ngũ cán bộ “Có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, có kiến thức pháp luật cần và đủ, có kinh nghiệm hoạt động xã hội, có tinh thần trách nhiệm vì dân”, mỗi cán bộ công chức của ngành Tòa án phải thực sự là người “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy.

Tăng cường công tác tổng kết thực tiễn xét xử, kiểm định các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ xem có phù hợp với thực tiễn hay không. Đây là một giải pháp kịp thời để rút kinh nghiệm, tổng kết những vấn đề còn vướng mắc khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong thực tế xét xử. Việc tập huấn nghiệp vụ hoặc tổ chức các hội thảo khoa học là rất cần thiết. Thông qua tập huấn, hội thảo, tranh luận, giải đáp các vướng mắc sẽ giúp người tiến hành tố tụng, đặc biệt là các Thẩm phán hiểu đúng hơn, đầy đủ hơn nội dung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời qua đó phản ánh những vướng mắc trong quá trình áp dụng vào từng vụ án cụ thể, làm căn cứ để các cơ quan tiến hành tố tụng cấp cao nhất nghiên cứu, hướng dẫn hoặc đề nghị sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự cho phù hợp với thực tiễn.

Bên cạnh đó, chế độ tiền lương hiện nay của Thẩm phán cấp huyện với thẩm phán cấp tỉnh, thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao còn nhiều bất hợp lý, về thang bảng lương có sự chênh lệch quá nhiều: Lương của Thẩm phán cấp huyện có mức khởi điểm quá thấp 2,67; lương khởi điểm của Thẩm phán cấp tỉnh là 4,4; lương khởi điểm của thẩm phán tối cao là 6,2. Thiết nghĩ, tại sao phải có sự chênh lệch này trong khi tất cả các Thẩm phán các cấp đều thực hiện chung một nhiệm vụ xét xử, đều phải xác định sự thật khách quan của từng vụ án để xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, việc cải tiến chế độ tiền lương, phụ cấp ngành hợp lý sẽ tạo được tâm lý phấn khởi, việc cải tiến chế độ tiền lương, phụ cấp ngành hợp

lý sẽ tạo được tâm lý phấn khởi, say mê làm việc gắn bó với nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm đối với công việc của từng Thẩm phán được nâng cao, góp phần giảm những tiêu cực dẫn đến cố tình làm trái những quy định của pháp luật.

Tiểu kết Chương 3

Từ các bản án cũng như các số liệu nhìn từ thực tiễn cho thấy người chưa thành niên phạm tội đang ngày một gia tăng, xu hướng trẻ hóa tội phạm ở nước ta nói chung và tại thành phố Đà Nẵng nói riêng đang ở mức báo động. Qua công tác xét xử, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với người chưa thành niên phạm tội tại địa bàn thành phố Đà Nẵng đạt được một số kết quả nhất định: ngăn ngừa xử lý tội phạm, răn đe đồng thời giáo dục cải tạo đối tượng tội phạm là người chưa thành niên.

Tuy nhiên công tác xét xử nói chung và việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với người chưa thành niên phạm tội nói riêng vẫn còn một số sai lầm. Chương 3 tập trung đi sâu vào thực tế xét xử, từ đó rút ra nguyên nhân một số vướng mắc của việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với người chưa thành niên phạm tội. Đồng thời đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm một phần nào đó góp phần vào việc hoàn thiện pháp luật.

KẾT LUẬN

1. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46 BLHS Việt Nam là một trong những căn cứ quan trọng để Tòa áp dụng giảm nhẹ hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội trong khi quyết định hình phạt đối với họ. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS tuy không làm thay đổi tính chất của tội phạm nhưng nó là những tình tiết làm giảm mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trong một cấu thành tội phạm cụ thể. Nó làm thay đổi mức độ phải chịu TNHS của người phạm tội theo hướng ít nghiêm trọng hơn.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người chưa thành niên phạm tội cho thấy sự đa dạng về nội dung và mức độ ảnh hưởng giảm nhẹ hình phạt khác nhau. Có những tình tiết làm giảm bớt mức độ nguy hiểm của tội phạm và người phạm tội, có những tình tiết phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng.

Trong việc thực hiện chính sách hình sự thì các tình tiết giảm nhẹ TNHS có vai trò rất quan trọng, nó thể hiện thành một trong những nguyên tắc xử lý cơ bản của BLHS. Luật không quy định cụ thể các tình tiết giảm nhẹ TNHS có ảnh hưởng đến mức nào đối với việc quyết định hình phạt. Ý nghĩa của từng tình tiết giảm nhẹ này tùy thuộc vào từng tội phạm cụ thể, vào từng người phạm tội cụ thể. Vai trò của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong việc quyết định hình phạt được thể hiện thông qua hai khía cạnh đặc trưng là: Căn cứ để giảm hình phạt trong giới hạn của khung hình phạt và căn cứ để quyết định hình phạt dưới mức tối thiểu của khung hình phạt.

Do vậy, việc áp dụng pháp luật đối với các tình tiết giảm nhẹ có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động xét xử của ngành Tòa án nói riêng.

2. Thông qua việc tìm hiểu, phân tích quy định của pháp luật hiện hành về nội dung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46 BLHS em nhận thấy rằng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại

Điều 46 là tương đối cụ thể, dễ hiểu, dễ áp dụng. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp khó xác định cần phải có sự nhận thức thống nhất của người Thẩm phán, Kiểm sát viên, Người bào chữa khi vận dụng chúng để quyết định hình phạt cho người phạm tội.

Để vận dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo Điều 46 BLHS phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Các tình tiết giảm nhẹ đã được BLHS quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.

- Xác định đúng và đủ các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

- Tình tiết giảm nhẹ TNHS của hành vi phạm tội nào chỉ được áp dụng với hành vi phạm tội đó.

- Xác định đúng mức độ giảm nhẹ của các tình tiết giảm nhẹ.

3. Từ những quy định của pháp luật cũng như nghiên cứu các bản án người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, em đã khái quát về tình hình áp dụng chúng trong thực tế xét xử, từ đó phân tích nguyên nhân của những tồn tại thiếu sót trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kết quả nghiên cứu của luận văn cho thấy nguyên nhân của các thiếu sót chủ yếu là do chủ quan và từ đó kiến nghị Nhà nước kịp thời sửa đổi, bổ sung pháp luật cho phù hợp với thực tiễn một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thường gặp trong thực tiễn nhưng chưa được quy định hoặc hướng dẫn trong pháp luật hình sự. Đồng thời, thấy được sự bất hợp lý trong nội dung của một tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người chưa thành niên phạm tội để đề nghị chuẩn hóa một cách chính xác và thống nhất.

4. Việc giải thích pháp luật kịp thời và đầy đủ sẽ tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật. Thiếu sự hướng dẫn, giải thích của cơ quan có thẩm quyền sẽ dẫn đến tình trạng vận dụng tùy tiện, không đảm bảo được sự thống nhất trong quyết định hình phạt ở từng địa phương. Do đó đưa ra những giải pháp và hoàn thiện chúng sẽ làm tăng tính đầy đủ, cụ thể, khả thi của các quy

định trong văn bản pháp luật để khi áp dụng vào thực tiễn được chính xác và đạt được sự thống nhất cao.

5. Trên đây là kết quả mà luận văn đạt được trong quá trình nghiên cứu về lý luận và khảo sát thực tiễn. Tuy nhiên, do thời gian và trình độ nghiên cứu còn hạn chế nên chắc chắn luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các quý thầy cô và những người nghiên cứu khác để đề tài luận văn được hoàn thiện hơn

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tại hội nghị, hội thảo về công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại TP. Đà Nẵng năm 2015
2. Trần hưng Bình (2013), *Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học.
3. Bộ luật hình sự năm 1985
4. Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009)
5. Bộ Luật hình sự năm 2015
6. Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989
7. Nguyễn Như Cường (2004), “Về tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, khoản 1 điều 46 BLHS”, *Tạp chí Tòa án nhân dân (số 15)*.
8. Nguyễn Văn Hào (2004), *Một số ý kiến về hướng dẫn áp dụng khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999*.
9. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (1989), *Nghị quyết 01-89/HĐTP ngày 19/4/1989*.
10. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999*.
11. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn một số quy định của Bộ luật hình sự*.
12. Ưông Chu Lưu (2003), *Bình luận khoa học BLSH năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đinh Văn Quế (2004), *Bình luận khoa học BLSH (Phần chung)*, Nxb TP. Hồ Chí Minh.
14. Đinh Văn Quế (2000), *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Hồ Sĩ Sơn (2008), “Những hạn chế trong các quy định của BLHS, năm 1999 về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hướng khắc phục”, *Tạp chí tòa án nhân dân (số 16)*.
16. Đỗ Văn Tạo (2011), “Bàn về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ” người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”, quy định tại điểm B khoản 1 điều 46 BLHS”, *Tạp chí TAND (số 10)*.
17. Trường đại học luật Hà Nội (2010), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (tập 1)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 hướng dẫn một số vấn đề về nghiệp vụ xét xử*.
19. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 148/2002/KHXX ngày 30/09/2002 hướng dẫn cụ thể nội dung tại Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao*.
20. Tòa án nhân dân tối cao (năm 2003 - 2004), *Quyết định giám đốc thẩm của Hội thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, quyển II*, Hà Nội – 2004.
21. Tòa án nhân dân tối cao (năm 2006). *Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao*, Hà Nội – 2008.
22. Tòa án nhân dân tối cao (2007 – 2009), *Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, quyển III*, Hà Nội – 2010.
23. Tòa án nhân dân tối cao (2009), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2009 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2010 của ngành Tòa án nhân dân*.
24. Tòa án nhân dân tối cao (2012), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2013 của ngành Tòa án nhân dân*.
25. Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn (2015), Bản án số 04/2015/HSST ngày 26/01/2015.
26. Tòa Án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn (2016), Bản án số 50/2009/HSST ngày 30/9//2016,
27. Tòa án quận Liên Chiểu (2015), Bản án số 30/2015/HSST.
28. Tòa Án quận Liên chiểu (2016), Bản án số 60/2016/HSST ngày 26/8/2016

29. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam Quyển 1*, Nxb Khoa học và xã hội, Hà Nội.
30. Trần Thị Quang Vinh (2002), *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học.